

Số: 4277/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3511/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 18/4/2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; Căn cứ các văn bản qui phạm pháp luật mới được ban hành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính được bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận,

huyện, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm soát TTHC;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- C/PVP UBND TP;
- NC, NN-NT, TH, HCTH;
- Lưu: VT, KSTTHC



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Thảo

www.LuatVietnam.vn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN

GIẢI QUYẾT TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Ban hành kèm theo Quyết định số 4277/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)



PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH

	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
1	Cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y	3
2	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y	7
3	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật lưu thông trong nước.	11
4	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật lưu thông trong nước	16
5	Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống	21
6	Cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật	25
7	Cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật	29
8	Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật	33
9	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản	37
10	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi	47
11	Tiếp nhận công bố hợp quy giống cây trồng	51
12	Trình phê duyệt Kế hoạch đấu thầu (đối với những dự án không thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	57
13	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm A	62
14	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm B	69
15	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm C	76
16	Thoả thuận quy hoạch chuyên ngành	83
17	Trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (đối với những dự án không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	85
18	Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm A)	90
19	Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm B)	94
20	Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm C)	98
21	Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm A)	102
22	Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm B)	104
23	Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm C)	106

24	Thẩm định, trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình	108
25	Thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ mời thầu	113
26	Thẩm định, trình phê duyệt kết quả đấu thầu	115
27	Thẩm định, trình phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình	117
28	Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý	119
29	Thẩm định, phê duyệt cho Ban quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý	121
30	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	123
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của CITES	125
32	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các phụ lục của Công ước CITES	127
33	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của CITES	129
34	Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau xử lý tịch thu, lâm sản sau chế biến, lâm sản vận chuyển nội bộ	133
35	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán	137
36	Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước (phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng)	141

PHẦN II: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
1	Kiểm tra và công nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản	Hai thủ tục hành chính này được thay thế bằng thủ tục hành chính: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thủy sản	

**PHẦN III: NỘI DUNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP THÀNH PHỐ

1. Tên thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y

Trình tự thực hiện	<p>* Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: - Hồ sơ gửi trực tiếp tại Bộ phận một cửa Trạm Thú y quận, huyện, thị xã và được kiểm tra hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ. - Người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn.</p> <p>* Bước 2: Công tác thẩm định điều kiện: Trạm Thú y quận, huyện, thị xã hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Bộ phận một cửa - Văn phòng Chi cục. Bộ phận một cửa vào sổ nhật ký, bàn giao hồ sơ cho Phòng Kiểm dịch kiểm soát giết mổ vệ sinh thú y (gọi tắt là phòng Kiểm dịch) thẩm định. Phòng Kiểm dịch thành lập đoàn kiểm tra phối hợp với Trạm Thú y quận, huyện, thị xã xuống thẩm định tại cơ sở đăng ký cấp giấy Chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y, lập biên bản, kết luận cơ sở đủ điều kiện cấp chứng chỉ. Phòng Kiểm dịch hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa Văn phòng Chi cục.</p> <p>* Bước 3: Thực hiện việc cấp chứng chỉ: Bộ phận một cửa trình Chi cục trưởng ký, đóng dấu vào sổ theo dõi, trả kết quả về các Trạm Thú y.</p> <p>* Bước 4: Trả kết quả và nộp phí, lệ phí: Tại Bộ phận một cửa Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (Phụ lục 6); + Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương; + Phiếu khám sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe để làm việc của Cơ quan y tế từ cấp huyện trở nên; + Bản sao bằng cấp chuyên môn (công chứng); + Biên bản thẩm định điều kiện vệ sinh thú y theo quy định; + Bản kê khai địa điểm kinh doanh (Phụ lục 7); + 03 ảnh cỡ 4 x 6; + Đối tượng là cán bộ công nhân viên đang công tác trong cơ quan nhà nước phải có ý kiến đồng ý của Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>- Tổ chức. - Cá nhân.</p>

Cơ quan thực hiện	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục thú y Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kiểm dịch phối hợp với các Trạm Thú y quận, huyện, thị xã. c) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Chứng chỉ hành nghề.
Phí và lệ phí	1. Phí thẩm định: - Thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện bảo quản thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 12.600.000 đồng. - Thẩm định điều kiện và tiêu chuẩn cơ sở kinh doanh thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản. + Cửa hàng: 225.000đ; + Đại lý: 450.000đ 2. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện: 70.000đồng. Chứng chỉ: 100.000 đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (Phụ lục 6). Bản kê khai địa điểm kinh doanh (Phụ lục 7). <i>(Ban hành kèm theo Công văn số 209/TY-QLT ngày 03/5/2001 của Cục Thú y hướng dẫn thực hiện quy định về điều kiện kinh doanh thuốc thú y)</i>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý	- Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; - Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 06/5/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở hành nghề thú y; - Thông tư 51/2009/TT- BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản; - Thông tư 04/2012/TT- BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y; - Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 01/6/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc kiện toàn tổ chức Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở Thanh tra Sở và Thanh tra các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 6: (Ban hành kèm theo Công văn số 209/TY-QLT ngày 03/5/2001 của Cục Thú y hướng dẫn thực hiện quy định về điều kiện kinh doanh thuốc thú y)

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Thú y Hà Nội

Tên tôi là: năm sinh:

Hộ khẩu thường trú:

Nơi ở hiện nay:

Trình độ chuyên môn:

Số văn bằng (chứng chỉ) được cấp:.....ngày tháng năm

Nơi cấp:

Tôi có yêu cầu hành nghề:

Tại số nhà (xóm) đường phố (thôn)

Phường (xã) Quận (huyện)

Thành phố Hà Nội. Điện thoại:.....

Kính đề nghị Chi cục Thú y Hà Nội xét, cấp cho tôi Chứng chỉ hành nghề thú y để tôi làm đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định.

Tôi xin gửi kèm theo:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn (công chứng);
- Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của địa phương hoặc cơ quan công tác);
- Giấy khám sức khỏe (do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp);
- Bản photo hộ khẩu hoặc giấy tạm trú còn hạn;
- 03 ảnh màu cỡ 4x6.

Tôi xin cam đoan trong quá trình hoạt động luôn luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hành nghề Thú y.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Vinh

Phụ lục 7: (Ban hành kèm Công văn số 209/TY-QLT ngày 03/5/2001 của Cục Thú y hướng dẫn thực hiện quy định về điều kiện kinh doanh thuốc thú y)

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng năm 20

BẢN KÊ KHAI ĐỊA ĐIỂM HÀNH NGHỀ

Họ, tên: Năm sinh:

Hộ khẩu thường trú:

Nội dung hành nghề:

Địa điểm hành nghề: Số nhà (xóm): Đường phố (thôn):.....

Phường (xã):..... Quận (huyện):..... Thành phố Hà Nội.

Điện thoại liên lạc:

1. Diện tích tổng cộng:m², số phòng:.....

2. Điều kiện vệ sinh, môi trường của cơ sở hành nghề:

3. Cơ sở mặt bằng thuộc quyền sở hữu hay thuê mượn của tổ chức cá nhân (nếu là thuê mượn phải có hợp đồng thuê mặt bằng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã):

4. Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động hành nghề bao gồm:

5. Sơ đồ mặt bằng (vẽ chính xác, đủ vào mặt sau của bản kê khai).

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

Người khai
(Ký và ghi rõ họ tên) *Vinh*

2. Tên thủ tục: Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y

(Bao gồm: Dịch vụ tiêm phòng, thiên hoạn, xét nghiệm chẩn đoán và điều trị bệnh động vật; Phẫu thuật động vật; tư vấn thú y)

Trình tự thực hiện	<p>* Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hồ sơ gửi trực tiếp tại Bộ phận một cửa Trạm Thú y quận, huyện, thị xã và được kiểm tra hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.- Người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn. <p>* Bước 2: Công tác thẩm định điều kiện:</p> <p>Trạm Thú y quận, huyện, thị xã hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Bộ phận một cửa - Văn phòng Chi cục. Bộ phận một cửa vào sổ nhật ký, bàn giao hồ sơ cho Phòng Kiểm dịch kiểm soát giết mổ vệ sinh thú y (gọi tắt là Phòng Kiểm dịch) thẩm định.</p> <p>Phòng Kiểm dịch thành lập đoàn kiểm tra phối hợp với Trạm Thú y quận, huyện, thị xã xuống thẩm định tại cơ sở đăng ký cấp giấy Chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y, lập biên bản, kết luận cơ sở đủ điều kiện cấp chứng chỉ.</p> <p>Phòng Kiểm dịch hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa Văn phòng Chi cục.</p> <p>* Bước 3: Thực hiện việc cấp chứng chỉ:</p> <p>Bộ phận một cửa trình Chi cục trưởng ký, đóng dấu vào sổ theo dõi, trả kết quả về các Trạm thú y.</p> <p>* Bước 4: Trả kết quả và thu nộp phí, lệ phí:</p> <p>Tại Bộ phận một cửa Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trạm Thú y: Quận, huyện, thị xã
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (Phụ lục 6);+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương;+ Phiếu khám sức khỏe xác nhận đủ sức khỏe để làm việc của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên;+ Bản sao bằng cấp chuyên môn (công chứng);+ Biên bản thẩm định điều kiện vệ sinh thú y theo quy định;+ Bản kê khai địa điểm kinh doanh (Phụ lục 7);+ 03 ảnh cỡ 4 x 6;+ Đối tượng là cán bộ công nhân viên đang công tác trong cơ quan nhà nước phải có ý kiến đồng ý của Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức.- Cá nhân.
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kiểm dịch phối hợp với</p>

	các Trạm Thú y quận, huyện, thị xã. c) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Chứng chỉ hành nghề (có thời hạn 5 năm).
Phí và lệ phí	1. Phí thẩm định: Kiểm tra điều kiện cơ sở : 225.000đồng /lần. 2. Lệ phí cấp chứng chỉ: 100.000 đồng.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề (Phụ lục 6). Bản kê khai địa điểm kinh doanh (Phụ lục 7). (Công văn số 209/TY-QLT ngày 03/5/2001 của Cục Thú y hướng dẫn thực hiện quy định về điều kiện kinh doanh thuốc thú y).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý	- Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; - Thông tư số 37/2006/TT-BNN ngày 06/5/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi và cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y; kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở hành nghề thú y; - Thông tư 51/2009/TT - BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh thuốc thú, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản. - Thông tư 04/2012/TT- BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

Phụ lục 6: (Ban hành kèm theo Công văn số 209/TY-QLT ngày 03/5/2001 của Cục Thú y hướng dẫn thực hiện quy định về điều kiện kinh doanh thuốc thú y)

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng năm 20

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Thú y Hà Nội

Tên tôi là: năm sinh:.....

Hộ khẩu thường trú:

Nơi ở hiện nay:

Trình độ chuyên môn:

Số văn bằng (chứng chỉ) được cấp:.....ngày tháng năm

Nơi cấp:

Tôi có yêu cầu hành nghề:

Tại số nhà (xóm) đường phố (thôn)

Phường (xã) Quận (huyện) Thành phố Hà Nội.

Điện thoại:.....

Kính đề nghị Chi cục Thú y Hà Nội xét, cấp cho tôi Chứng chỉ hành nghề Thú y để tôi làm đăng ký hoạt động kinh doanh theo quy định.

Tôi xin gửi kèm theo:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ chuyên môn (công chứng;)
- Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của địa phương hoặc cơ quan công tác);
- Giấy khám sức khỏe (do cơ quan y tế cấp huyện trở lên cấp);
- Bản photo hộ khẩu hoặc giấy tạm trú còn hạn;
- 03 ảnh màu cỡ 4x6.

Tôi xin cam đoan trong quá trình hoạt động luôn luôn chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hành nghề Thú y.

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Việt

Phụ lục 7: (Ban hành kèm theo Công văn số 209/TY-QLT ngày 03/5/2001 của Cục Thú y hướng dẫn thực hiện quy định về điều kiện kinh doanh thuốc thú y)

TÊN CƠ SỞ KINH DOANH
.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày tháng năm 20

BẢN KÊ KHAI ĐỊA ĐIỂM HÀNH NGHỀ

Họ, tên: Năm sinh:

Hộ khẩu thường trú:

Nội dung hành nghề:

Địa điểm hành nghề: Số nhà(xóm): Đường phố (thôn):.....

Phường (xã):..... Quận (huyện):..... Thành phố Hà Nội.

Điện thoại liên lạc:

1. Diện tích tổng cộng:m², số phòng:.....

2. Điều kiện vệ sinh, môi trường của cơ sở hành nghề:

3. Cơ sở mặt bằng thuộc quyền sở hữu hay thuê mượn của tổ chức cá nhân (nếu là thuê mượn phải có hợp đồng thuê mặt bằng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã):
.....

4. Trang thiết bị phục vụ cho hoạt động hành nghề bao gồm:

5. Sơ đồ mặt bằng (vẽ chính xác, đủ vào mặt sau của bản kê khai).

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây là đúng và chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật.

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên) *Vinh*

3. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật lưu thông trong nước

Trình tự thực hiện	<p>* Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: Hồ sơ gửi trực tiếp tại Đội Kiểm dịch động vật lưu động (các Trạm Thú y được ủy quyền) và được kiểm tra hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ. Người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn, thời gian thẩm định cơ sở.</p> <p>* Bước 2: Công tác thẩm định điều kiện: Đội Kiểm dịch động vật lưu động (các Trạm Thú y được ủy quyền) thực hiện việc kiểm tra thẩm định cơ sở.</p> <p>* Bước 3: Sau khi kiểm tra hoàn thiện hồ sơ Đội Kiểm dịch (các Trạm Thú y được ủy quyền) hướng dẫn làm tờ khai (theo Mẫu 01).</p> <p>* Bước 4: Cấp giấy chứng nhận và thu nộp phí, lệ phí Cán bộ kiểm dịch sau khi kiểm tra đủ điều kiện và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch tại địa điểm kiểm dịch. Nộp phí và lệ phí: Tại địa điểm kiểm dịch.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại Đội Kiểm dịch động vật lưu động, - Các Trạm Thú y được ủy quyền</p>
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Giấy đăng ký kinh doanh (đối với các cơ quan tổ chức); + Tờ khai đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do chủ hàng khai hoặc người đại diện (Mẫu 1); + Bản sao Giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh do Cục Thú y cấp (nếu có); + Giấy chứng nhận tiêm phòng vaccin các bệnh bắt buộc còn thời gian miễn dịch hoặc kết quả xét nghiệm động vật.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	01 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>- Tổ chức. - Cá nhân.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Đội Kiểm dịch động vật lưu động và các Trạm Thú y được ủy quyền. c) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận.
Lệ phí	<p>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật: - Ngoại tỉnh: 30 000 đồng. - Nội tỉnh: 5 000 đồng.</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do chủ hàng khai hoặc người đại diện (Mẫu 1 - Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).</p>

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; - Quyết định số 45/2005/QĐ-BNN ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch; - Quyết định số 47/2005/QĐ-BNN ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật phải kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi huyện và miễn kiểm dịch; - Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04/3/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư số 22/2009/TT-BNN ngày 28/4/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn yêu cầu về giống vật nuôi, kiểm dịch vận chuyển giống vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh phát triển chăn nuôi; - Thông tư 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

Mẫu 1 (Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN
Số:...../ĐK-KDNĐ

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:.....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I. ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
<i>Tổng số</i>					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khoẻ động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../... ngày .../.../.....

của (1) (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

Handwritten signature

5/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày .../.../.....

2/ tiêm phòng ngày .../.../.....

3/ tiêm phòng ngày .../.../.....

4/ tiêm phòng ngày .../.../.....

5/ tiêm phòng ngày .../.../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số .../.../... ngày .../.../... của (3)

..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:

2/ Số lượng: Khối lượng:

3/ Số lượng: Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Handwritten signature

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm

..... vào hồi giờ ngày .../.../.....

Vào sổ đăng ký số ngày .../.../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm. *Thư*

4. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật lưu thông trong nước

Trình tự thực hiện	<p>* Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: Hồ sơ gửi trực tiếp tại Đội Kiểm dịch động vật lưu động (các Trạm Thú y được ủy quyền) và được kiểm tra hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ. Trong phạm vi 02 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ cơ quan kiểm dịch động vật có trách nhiệm thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung kiểm dịch.</p> <p>* Bước 2: Công tác thẩm định điều kiện: Đội Kiểm dịch động vật lưu động (các Trạm Thú y được ủy quyền) tiến hành thực hiện việc kiểm tra thẩm định cơ sở.</p> <p>* Bước 3: Sau khi kiểm tra hoàn thiện hồ sơ Đội Kiểm dịch động vật lưu động (các Trạm Thú y được ủy quyền) hướng dẫn làm tờ khai theo (Mẫu 01).</p> <p>* Bước 4: Cấp giấy chứng nhận và thu nộp phí, lệ phí. Cán bộ kiểm dịch tiến hành thủ tục kiểm dịch, kiểm tra nếu đủ điều kiện thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch tại địa điểm kiểm dịch. Nộp phí và lệ phí: Tại địa điểm kiểm dịch.</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Trực tiếp tại Đội Kiểm dịch động vật lưu động; - Các Trạm Thú y được ủy quyền.</p>
Thành phần số lượng hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm: + Giấy đăng ký kinh doanh (đối với các cơ quan tổ chức); + Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật do chủ hàng khai hoặc người đại diện (Mẫu 01); + Giấy chứng nhận vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh do Cục Thú y cấp - bản sao (nếu có); + Giấy chứng nhận tiêm phòng vaccin các bệnh bắt buộc còn thời gian miễn dịch hoặc kết quả xét nghiệm động vật.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	01 ngày sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>- Tổ chức - Cá nhân</p>
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Đội Kiểm dịch động vật lưu động và các trạm Thú y được ủy quyền. c) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận
Phí, lệ phí	<p>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật: - Ngoại tỉnh: 30.000đ - Nội tỉnh: 5.000đ</p> <p>Phí kiểm dịch: Theo Thông tư 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính.</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (Mẫu 01- Kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; - Quyết định số 45/2005/QĐ-BNN ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch; - Quyết định số 47/2005/QĐ-BNN ngày 25/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định số lượng động vật, khối lượng sản phẩm động vật phải kiểm dịch khi vận chuyển ra khỏi huyện và miễn kiểm dịch; - Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư số 11/2009/TT-BNN ngày 04/3/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều về quy trình, thủ tục kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/03/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư số 22/2009/TT-BNN ngày 28/4/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn yêu cầu về giống vật nuôi, kiểm dịch vận chuyển giống vật nuôi đảm bảo an toàn dịch bệnh phát triển chăn nuôi; - Thông tư 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

Mẫu 01 (Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN
Số:...../ĐK-KDND

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:.....

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I. ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số .../... ngày .../.../.....

của (1) (nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

2/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

3/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

4/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

5/ Kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/ tiêm phòng ngày .../.../.....

2/ tiêm phòng ngày .../.../.....

3/ tiêm phòng ngày .../.../.....

4/ tiêm phòng ngày .../.../.....

5/ tiêm phòng ngày .../.../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):.....

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số .../... ngày .../.../..... của (3) (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại: Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng: Khối lượng:.....

2/ Số lượng: Khối lượng:.....

3/ Số lượng: Khối lượng:.....

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Vinh

.....
Các giấy tờ liên quan kèm theo:

.....
Địa điểm kiểm dịch:.....

Thời gian kiểm dịch:.....

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

**Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm

..... vào hồi giờ ngày .../.../.....

Vào sổ đăng ký số ngày .../.../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm. Vinh

5. Tên thủ tục: Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống

Trình tự thực hiện	<p>* Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: Hồ sơ gửi trực tiếp tại Bộ phận một cửa Trạm Thú y quận, huyện, thị xã và được kiểm tra hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ. Người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn.</p> <p>* Bước 2: Công tác thẩm định: Trạm Thú y quận, huyện, thị xã hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa của Văn phòng Chi cục vào sổ nhật ký và bàn giao hồ sơ cho Phòng Kiểm dịch thẩm định. Phòng Kiểm dịch thành lập đoàn kiểm tra, phối hợp với Trạm Thú y quận, huyện, thị xã xuống thẩm định tại cơ sở xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, lập biên bản, kết luận cơ sở có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>* Bước 3: Phòng Kiểm dịch hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa của Văn phòng Chi cục.</p> <p>* Bước 4: Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận: Bộ phận một cửa trình Chi cục trưởng ký, đóng dấu vào sổ theo dõi; trả kết quả về các Trạm Thú y.</p> <p>* Bước 5: Trả kết quả, nộp phí và lệ phí: Tại Bộ phận một cửa của Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu 5); + Giấy Đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư (sao công chứng); + Giấy khám sức khỏe cho người trực tiếp làm việc tại cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất con giống.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>+ 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ. + 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với những cơ sở nộp hồ sơ qua các Trạm Thú y hoặc những cơ sở ở vùng sâu, vùng xa.</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>- Tổ chức. - Cá nhân.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kiểm dịch. c) Cơ quan phối hợp: Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận (có thời hạn 2 năm).
Phí và lệ phí	<p>1. Phí thẩm định: - Cơ sở mới thành lập: 990.000 đồng/lần. - Cơ sở cấp lại: 936.000 đồng/lần.</p> <p>2. Lệ phí cấp chứng nhận: 70.000 đồng/lần.</p>

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu 5 ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
Yêu cầu điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; - Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; - Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình thủ tục kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; - Thông tư 04/2012/TT- BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu 5 (Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dấu
của cơ quan
Thú y

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y
Số:...../ĐK-KTVSTY

Kính gửi:

Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số: Cấp ngày...../...../..... tại.....

Điện thoại: Fax: Email:

Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):

1. Cơ sở chăn nuôi động vật.

Loại động vật: Số lượng:

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.

Loại động vật: Số lượng:

3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.

Loại động vật: Số lượng:

4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Khối lượng:

5. Nơi tập trung, bốc xếp động vật/sản phẩm động vật.

6. Cơ sở giết mổ động vật.

Loại động vật: Công suất giết mổ:con/ngày

7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất:tấn/ngày

8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất:tấn

9. Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.

Loại động vật/sản phẩm động vật:

10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/ hoá chất dùng trong thú y:

12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

Loại động vật:

An toàn với bệnh:

13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:

Handwritten signature

Địa điểm cơ sở:

.....
.....

Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày
...../...../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên quan:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày...../...../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở
.....(2)

Thời gian kiểm tra: giờ, ngày...../...../.....

Vào số đăng ký số ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT


(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y. 

6. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật

Trình tự thực hiện	<p>* Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: Hồ sơ gửi trực tiếp tại Bộ phận một cửa Trạm Thú y quận, huyện, thị xã và được kiểm tra hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ. Người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn.</p> <p>* Bước 2: Công tác thẩm định: Trạm Thú y quận, huyện, thị xã hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa của Văn phòng Chi cục vào sổ nhật ký và bàn giao hồ sơ cho Phòng Kiểm dịch thẩm định. Phòng Kiểm dịch thành lập đoàn kiểm tra, phối hợp với Trạm Thú y quận, huyện, thị xã xuống thẩm định tại cơ sở xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, lập biên bản, kết luận cơ sở có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>* Bước 3: Phòng Kiểm dịch hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa của Văn phòng Chi cục.</p> <p>* Bước 4: Thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận: Bộ phận một cửa trình Chi cục trưởng ký, đóng dấu vào sổ theo dõi, trả kết quả về các Trạm Thú y.</p> <p>* Bước 5: Trả kết quả, nộp phí và lệ phí: Tại Bộ phận một cửa của Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (mẫu 5); + Giấy Đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư (sao công chứng); + Giấy khám sức khỏe cho người trực tiếp làm việc tại cơ sở giết mổ động vật, sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>+ 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ. + 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với những cơ sở nộp hồ sơ qua các Trạm Thú y hoặc những cơ sở ở vùng sâu, vùng xa.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kiểm dịch. c) Cơ quan phối hợp: Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận (thời hạn 2 năm).
Phí và lệ phí	<p>1. Phí thẩm định: - Cơ sở mới thành lập: 990.000 đồng/lần. - Cơ sở cấp lại: 936.000 đồng/ lần.</p> <p>2. Lệ phí cấp chứng nhận: 70.000 đồng/lần.</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu 5 ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Yêu cầu điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; - Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; - Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình thủ tục kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; - Thông tư 04/2012/TT- BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu 5 (Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dấu
của cơ quan
Thú y

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y
Số:...../ĐK-KTVSTY

Kính gửi:

Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:.....

Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):

1. Cơ sở chăn nuôi động vật.

Loại động vật: Số lượng:

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.

Loại động vật: Số lượng:

3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.

Loại động vật: Số lượng:

4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.

Loại động vật: Số lượng:

5. Nơi tập trung, bốc xếp động vật/sản phẩm động vật.

6. Cơ sở giết mổ động vật.

Loại động vật: Công suất giết mổ: con/ngày

7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn/ngày

8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn

9. Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.

Loại động vật/sản phẩm động vật:

10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

Loại động vật:

An toàn với bệnh:

13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:

W

Địa điểm cơ sở:

.....
.....

Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày
.../.../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên quan:.....

.....
.....

Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày .../.../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đăng ký tại

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y

Ngày ... tháng ... năm

cơ sở(2).....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

Thời gian kiểm tra: giờ, ngày .../.../.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Vào sổ đăng ký số ngày .../.../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y. *Vinh*

7. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật

Trình tự thực hiện	<p>* Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: Hồ sơ gửi trực tiếp tại Bộ phận một cửa Trạm Thú y quận, huyện, thị xã và được kiểm tra hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ. Người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn.</p> <p>* Bước 2: Công tác thẩm định: Trạm Thú y quận, huyện, thị xã hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa của Văn phòng Chi cục vào sổ nhật ký và bàn giao hồ sơ cho Phòng Kiểm dịch thẩm định. Phòng Kiểm dịch thành lập đoàn kiểm tra, phối hợp với Trạm Thú y quận, huyện, thị xã xuống thẩm định tại cơ sở xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, lập biên bản, kết luận cơ sở có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>* Bước 3: Phòng Kiểm Dịch hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa của Văn phòng Chi cục.</p> <p>* Bước 4: Thực hiện việc cấp chứng nhận: Bộ phận một cửa trình Chi cục trưởng ký, đóng dấu vào sổ theo dõi, trả kết quả về Trạm Thú y.</p> <p>* Bước 5: Trả kết quả, nộp phí và lệ phí Tại Bộ phận một cửa của Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu 5); + Giấy Đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư (sao công chứng); + Giấy khám sức khỏe cho người trực tiếp làm việc tại cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>- Tổ chức. - Cá nhân.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>+ 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ. + 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với những cơ sở nộp hồ sơ qua các Trạm Thú y, hoặc những cơ sở ở vùng sâu, vùng xa.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kiểm dịch. c) Cơ quan phối hợp: Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận (thời hạn 2 năm).
Phí và lệ phí	<p>1. Phí thẩm định: - Cơ sở mới thành lập: 990.000 đồng/lần. - Cơ sở cấp lại: 936.000 đồng/lần .</p> <p>2. Lệ phí cấp chứng nhận: 70.000 đồng/lần. <i>VD</i></p>

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu 5 ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
Yêu cầu điều kiện	Không
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; - Thông tư 04/2012/TT- BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y; - Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; - Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình thủ tục kinh doanh động vật, sản phẩm động vật.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu 5: (Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dấu
của cơ quan
Thú y

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y
Số:...../ĐK-KTVSTY

Kính gửi:

Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại

Điện thoại: Fax: Email:.....

Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):

1. Cơ sở chăn nuôi động vật.

Loại động vật: Số lượng:

2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.

Loại động vật: Số lượng:

3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.

Loại động vật: Số lượng:

4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.

Loại động vật: Số lượng:

5. Nơi tập trung, bốc xếp động vật/sản phẩm động vật.

6. Cơ sở giết mổ động vật.

Loại động vật: Công suất giết mổ: con/ngày

7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn/ngày

8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.

Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn

9. Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.

Loại động vật/sản phẩm động vật:

10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:

12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:

Loại động vật:

An toàn với bệnh:

13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:

Địa điểm cơ sở:

Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày
.../.../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Uah

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên quan:.....

.....

Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày .../.../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y

cơ sở(2).....

Thời gian kiểm tra: giờ, ngày .../.../.....

Vào sổ đăng ký số ngày .../.../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y. *mb*

8. Tên thủ tục: Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với khu cách ly kiểm dịch nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật

Trình tự thực hiện	<p>* Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: Hồ sơ gửi trực tiếp tại Bộ phận một cửa Trạm Thú y quận, huyện, thị xã và được kiểm tra hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ. Người nộp hồ sơ nhận giấy hẹn.</p> <p>* Bước 2: Công tác thẩm định: Trạm Thú y quận, huyện, thị xã hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa của Văn phòng Chi cục vào sổ nhật ký và bàn giao hồ sơ cho Phòng Kiểm dịch thẩm định. Phòng Kiểm dịch thành lập đoàn kiểm tra, phối hợp với Trạm Thú y quận, huyện, thị xã xuống thẩm định tại cơ sở xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, lập biên bản, kết luận cơ sở có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>* Bước 3: Phòng Kiểm dịch hoàn chỉnh hồ sơ và gửi về Bộ phận một cửa - Văn phòng Chi cục.</p> <p>* Bước 4: Thực hiện việc cấp chứng nhận: Bộ phận một cửa trình Chi cục trưởng ký, đóng dấu vào sổ theo dõi, trả kết quả về các Trạm Thú y.</p> <p>* Bước 5: Trả kết quả, nộp phí và lệ phí Tại Bộ phận một cửa của Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Trạm thú y các quận, huyện, thị xã.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: + Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu 5); + Giấy Đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư (sao công chứng); + Giấy khám sức khỏe cho người trực tiếp làm việc tại khu cách ly kiểm dịch nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật.</p> <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>- 05 ngày làm việc khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - 10 ngày làm việc khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với những cơ sở nộp hồ sơ qua các Trạm Thú y, hoặc những cơ sở ở vùng sâu, vùng xa.</p>
Cơ quan thực hiện	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng kiểm dịch. c) Cơ quan phối hợp: Trạm Thú y quận, huyện, thị xã.</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận (thời hạn 2 năm).
Phí và lệ phí	<p>1. Phí thẩm định: - Cơ sở mới thành lập: 990.000 đồng/lần - Cơ sở cấp lại: 936.000 đồng/ lần</p> <p>2. Lệ phí cấp chứng nhận: 70.000 đồng/lần</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu 5 ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).</p>

Yêu cầu điều kiện	Không.
Căn cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; - Thông tư 04/2012/TT- BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính ban hành về quy định chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y; - Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; - Quyết định số 15/2006/QĐ-BNN ngày 08/3/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình thủ tục kinh doanh động vật, sản phẩm động vật.

www.LuatVietnam.vn

Mẫu 5 (Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dấu
của cơ quan
Thú y

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y
Số:...../ĐK-KTVSTY

Kính gửi:

- Họ tên chủ cơ sở (hoặc người đại diện):
- Địa chỉ giao dịch:
- Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày .../.../..... tại
- Điện thoại: Fax: Email:.....
- Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở (1):
- Cơ sở chăn nuôi động vật.
Loại động vật: Số lượng:
 - Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.
Loại động vật: Số lượng:
 - Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.
Loại động vật: Số lượng:
 - Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.
Loại động vật: Số lượng:
 - Nơi tập trung, bốc xếp động vật/sản phẩm động vật.
 - Cơ sở giết mổ động vật.
Loại động vật: Công suất giết mổ: con/ngày
 - Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.
Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn/ngày
 - Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.
Loại sản phẩm động vật: Công suất: tấn
 - Cơ sở kinh doanh động vật/ sản phẩm động vật.
Loại động vật/sản phẩm động vật:
 - Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:
 - Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hoá chất dùng trong thú y:
 - Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:
Loại động vật:
An toàn với bệnh:
13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật:
- Địa điểm cơ sở

Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày
.../.../.....

Đăng ký kinh doanh /Giấy phép đầu tư số: Cấp tại

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa

Phục vụ xuất khẩu

Các giấy tờ liên quan:.....

.....

.....

Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày .../.../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y

cơ sở(2).....

Thời gian kiểm tra: giờ, ngày .../.../.....

Vào số đăng ký số ngày .../.../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT


(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày ... tháng ... năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;
- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y. 

9. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

<p>- Trình tự thực hiện</p>	<p>1. Tổ chức, cá nhân đến đăng ký, nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, nhận kết quả theo giấy hẹn tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội.</p> <p>2. Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội:</p> <p>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ được gửi tại Bộ phận một cửa Văn phòng Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội, hồ sơ được kiểm tra, hướng dẫn và hoàn thiện hồ sơ. - Bộ phận một cửa Văn phòng Chi cục vào sổ, bàn giao cho Phòng Quản lý chất lượng. <p>Bước 2: Công tác thẩm định điều kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Quản lý chất lượng tiếp nhận hồ sơ trình Chi cục trưởng ra Quyết định thành lập đoàn kiểm tra; Thông báo và tổ chức kiểm tra tại cơ sở, hướng dẫn cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định, hoàn chỉnh hồ sơ, lập Biên bản thẩm định đủ điều kiện an toàn thực phẩm, dự thảo Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận, trình Chi cục trưởng ký, chuyển giao kết quả cho bộ phận một cửa. - Nội dung kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> a) Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và người trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh về bảo đảm an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; b) Chương trình quản lý chất lượng; c) Thủ tục truy xuất nguồn gốc sản phẩm; d) Lấy mẫu để kiểm tra chất lượng, hiệu quả hoạt động tự kiểm soát về an toàn thực phẩm của cơ sở khi cần thiết. <p>Bước 3: Trả kết quả và thu nộp phí và lệ phí tại bộ phận một cửa theo giấy hẹn.</p>
<p>- Cách thức thực hiện</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp tại Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội. - Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di - Đống Đa - Hà Nội. - Hoặc Fax: 04 35335076, sau đó gửi hồ sơ bản chính. - Gửi theo đường bưu điện.
<p>- Thành phần Hồ sơ</p>	<p>a) Thành phần hồ sơ:</p> <p>1. Đối với cấp mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đăng ký kiểm tra theo mẫu (Phụ lục 1). + Giấy đăng ký kinh doanh của cơ sở (sao công chứng). + Báo cáo hiện trạng điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở theo mẫu (Phụ lục 2). + Giấy khám sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh. + Giấy xác nhận đã được tập huấn về an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh.

	<ul style="list-style-type: none"> + Chương trình quản lý chất lượng theo quy định (đối với lĩnh vực buộc phải có). + Báo cáo kết quả khắc phục sai lỗi nếu có theo mẫu (Phụ lục 3). + Bản sao biên lai nộp phí thẩm định. <p>2. Đối với cấp lại:</p> <p>2.1. Đối với cấp lại (do giấy chứng nhận hết hạn; có sự thay đổi sản xuất, kinh doanh):</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu (Phụ lục 7). + Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản đã được cấp. + Giấy đăng ký kinh doanh của cơ sở (sao công chứng). + Báo cáo hiện trạng điều kiện bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm của cơ sở theo mẫu (Phụ lục 2). + Giấy khám sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh. + Giấy xác nhận đã được tập huấn về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất kinh doanh. + Chương trình quản lý chất lượng theo quy định (đối với lĩnh vực buộc phải có) + Báo cáo kết quả khắc phục sai lỗi nếu có theo mẫu (Phụ lục 3). + Bản sao biên lai nộp phí thẩm định. <p>2.2. Cấp lại do bị mất, hỏng giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm vẫn còn hiệu lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có văn bản đề nghị cấp lại. - Thời gian giải quyết trong 03 ngày làm việc. - Số lượng: 01 bộ. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.</p>
- Thời hạn giải quyết	<p>25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếp nhận hồ sơ và hướng dẫn: 03 ngày. + Công tác thẩm định, thành lập đoàn kiểm tra, tiến hành kiểm tra: không quá 15 ngày. + Xét kết quả, cấp giấy chứng nhận: 07 ngày.
- Đối tượng thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức. - Cá nhân.
- Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý chất lượng.
- Kết quả của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với cấp mới: Giấy chứng nhận (có kèm theo Quyết định cấp Giấy chứng nhận). - Đối với cấp lại: Giấy chứng nhận (có kèm theo Quyết định cấp lại giấy chứng nhận).
- Lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Phí Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm lĩnh vực thủy sản: 40.000 đồng/ cơ sở. - Phí Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm lĩnh vực nông lâm sản: 50.000 đồng/ cơ sở. - Phí thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực

	<p>phẩm nông lâm thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cơ sở có sản lượng dưới 20 tấn /năm mức thu 200.000 đồng/ lần. + Cơ sở có sản lượng từ 20 tấn đến dưới 100 tấn /năm mức thu 300.000 đồng/ lần. + Cơ sở có sản lượng từ 100 tấn đến dưới 500 tấn/ năm mức thu 400.000 đồng/lần. + Cơ sở có sản lượng từ 500 tấn đến dưới 1000 tấn/ năm mức thu 500.000 đồng/lần. + Cơ sở có sản lượng từ 1000 tấn/năm trở nên mức thu 500.000 đồng/lần (cứ tăng thêm 20 tấn/ năm thu thêm 100.000 đồng). <p>(theo Quyết định số 80/2005/QĐ-BTC ngày 17/11/2005 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm; Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thủy sản).</p>
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>1. Đối với cấp mới:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đăng ký kiểm tra và công nhận cơ sở nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm (Phụ lục 1). - Báo cáo hiện trạng điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Phụ lục 2). - Báo cáo kết quả khắc phục sai lỗi nếu có (Phụ lục 3). <p>(Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)</p> <p>2. Đối với cấp lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản (Phụ lục 7). - Báo cáo hiện trạng điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Phụ lục 2). - Báo cáo kết quả khắc phục sai lỗi nếu có (Phụ lục 3). <p>(Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).</p>
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không.
- Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/ 2010 của Quốc hội; - Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm; - Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản; - Thông tư 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011; - Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, chứng nhận chất

lượng, an toàn thực phẩm thủy sản;

- Quyết định số 80/2005/QĐ-BTC ngày 17/11/2005 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 107/2012/TT-BTC ngày 28/6/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thủy sản);

- Quyết định 1775/QĐ-SNN ngày 19/7/2012 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội về việc phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.

Vsh

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 1 (Ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG LÂM THỦY SẢN

Kính gửi: Chi cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 và Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ các quy định trong Thông tư số 14/2011/TT-BNNPTNT ngày 29/3/2011 và Thông tư số 53/2011/TT-BNNPTNT ngày 02/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

Căn cứ các quy định đối chiếu trong Thông tư kiểm tra, chứng nhận chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản số 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đơn vị chúng tôi:

Tên Cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Tên cơ sở (phân xưởng) đề nghị kiểm tra:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Sau khi nghiên cứu kỹ các Quy định trong Quy chuẩn và đối chiếu với điều kiện thực tế của Cơ sở, đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được:

- Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

- Thị trường tiêu thụ:

Chúng tôi xin gửi kèm sau đây hồ sơ đăng ký kiểm tra gồm:

1.
2.
3.
4.
5.
6.

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

Vinh

Phụ lục 2 (Ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG LÂM THỦY SẢN

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở (phân xưởng) đề nghị kiểm tra:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax: Email:
4. Mã số của Cơ sở (nếu có):
5. Thời điểm xây dựng:
6. Năm bắt đầu hoạt động:
7. Mô tả chung về sản phẩm :
 - 7.1. Nhóm sản phẩm sản xuất:
 - 7.2. Sản phẩm tiêu thụ nội địa:
 - 7.3. Sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường:

II. Tóm tắt đánh giá hiện trạng điều kiện sản xuất

1. Nhà xưởng

- 1.1. Tổng diện tích các khu vực sản xuất : m², trong đó:
 - 1.1.1. Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: m².
 - 1.1.2. Khu vực sơ chế: m².
 - 1.1.3. Khu vực chế biến (phân cỡ, xếp khuôn....): m².
 - 1.1.4. Khu vực cấp đông: m².
 - 1.1.5. Khu vực kho lạnh: m².
 - 1.1.6. Khu vực sản xuất khác (...): m².
- 1.2. Mô tả hiện trạng điều kiện cơ sở vật chất nhà xưởng và kết cấu:

2. Thiết bị

2.1. Các loại thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

2.2. Nhận xét chung về hiện trạng hoạt động của các thiết bị:

3. Hệ thống phụ trợ:

3.1. Nguồn nước sử dụng cho khu vực sản xuất:

3.1.1. Nguồn nước đang sử dụng:

Nước công cộng Nước giếng khoan , số lượng: , độ sâu m.

3.1.2. Phương pháp bảo đảm chất lượng nước cung cấp cho khu vực sản xuất (kể cả khu sản xuất nước đá)

- Hệ thống lắng lọc: Có Không Phương pháp khác :
- Hệ thống bể chứa: Tổng dung tích dự trữ: m³.
- Hệ thống bể cao áp: Dung tích bể cao áp : m³.
- Hệ thống xử lý nước: Chlorine định lượng .Đèn cực tím .Khác

3.2. Nguồn nước đá:

Handwritten signature

- 3.2.1. Tự sản xuất : Đá cây tổng công suất : tấn/ngày.
 Đá vảy tổng công suất : tấn/ngày
- 3.2.2. Mua ngoài : Đá cây khối lượng : tấn/ngày.
 Đá vảy khối lượng : tấn/ngày

3.3. Hệ thống xử lý chất thải

3.3.1. Nước thải: Mô tả tóm tắt hệ thống thoát, xử lý nước thải, cơ quan quản lý môi trường kiểm tra đánh giá

3.3.2. Chất thải rắn: Cách thức bảo quản, vận chuyển, xử lý...

3.4. Nhà vệ sinh (dùng cho khu vực sản xuất)

3.4.1. Số lượng:

3.4.2. Cấu trúc:

3.5. Công nhân:

3.5.1. Tổng số công nhân sản xuất: người, trong đó:

- Công nhân dài hạn: người.

- Công nhân mùa vụ: người.

3.5.2. Số lượng công nhân ở thời điểm cao nhất/ca sản xuất: người; trong đó:

- Khu vực tiếp nhận nguyên liệu: người

- Khu vực sơ chế: người

- Khu vực chế biến: người

- Khu vực cấp đông, bao gói: người

- Khu vực khác (...): người

3.5.3. Kiểm soát sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:

- Thời điểm kiểm tra sức khỏe gần nhất: tháng ... năm....

- Số lượng người được kiểm tra:người.

- Kết quả kiểm tra:

+ Đủ sức khỏe để trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm::người.

+ Không đủ sức khỏe để trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm:.....người

- Tên cơ quan thực hiện kiểm tra sức khỏe:.....

3.5.4. Đào tạo, tập huấn kiến thức về ATTP cho cơ sở:

- Thời điểm đào tạo, tập huấn:

- Số người được đào tạo, tập huấn: người

- Tên đơn vị đào tạo, tập huấn:

3.6. Hệ thống ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại

3.6.1. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt côn trùng:

3.6.2. Biện pháp ngăn chặn và tiêu diệt động vật gây hại

3.7. Vệ sinh công nghiệp

3.7.1. Tần suất làm vệ sinh:

3.7.2. Nhân công làm vệ sinh công nghiệp: người;

3.7.3. Trong đó: của Cơ sở Đi thuê ngoài

3.8. Danh mục hóa chất, phụ gia, chất tẩy rửa - khử trùng sử dụng tại Cơ sở:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

4. Hệ thống quản lý chất lượng:

4.1. Chương trình quản lý chất lượng đang áp dụng tại Cơ sở:

HACCP: GMP: SSOP: Khác:

4.2. Tổng số cán bộ quản lý chất lượng (QC):.....người, trong đó:

4.2.1. Số QC có trình độ Đại học:người, Trung cấp:người

4.2.2. Số cán bộ QC đã qua đào tạo về HACCP hoặc các chương trình quản lý chất lượng khác:.....người

4.3. Phòng kiểm nghiệm:

Của Cơ sở: Các chỉ tiêu có thể phân tích:

.....

Thuê ngoài

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 3 (Ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

Kính gửi:.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC SAI LỖI

I. Thông tin chung:

1. Tên Cơ sở:

2. Mã số của Cơ sở (nếu có):

3. Địa chỉ Cơ sở:

4. Số điện thoại:

Fax:

Email:

II. Tóm tắt kết quả khắc phục sai lỗi

TT	Sai lỗi theo kết luận kiểm tra ngày..... của	Biện pháp khắc phục	Kết quả

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được:

- Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:

- Thị trường tiêu thụ:

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ

(Ký tên và đóng dấu) *Vnh*

Phụ lục 7 (Ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BNNPTNT ngày 03/8/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên Cơ sở

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày..... tháng..... năm

ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN

Kính gửi: (tên cơ quan kiểm tra).....

Đơn vị chúng tôi (tên cơ sở), mã số.....đề nghị quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số..... ngày cấp...

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận:

Đề nghị Quý cơ quan xem xét chấp thuận.

Nơi nhận :

- Như trên;
-
- Lưu

GIÁM ĐỐC (CHỦ) CƠ SỞ
(ký tên, đóng dấu) *Vnh*

10. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thức ăn chăn nuôi, nhận giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: Bộ phận một cửa kiểm tra sự phù hợp, tiếp nhận và trả kết quả khi tới hẹn
Cách thức thực hiện	- Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội hoặc qua đường Bưu điện
Thành phần hồ sơ	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Phụ lục I). - Bản xác nhận công bố hợp chuẩn hoặc công bố hợp quy phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành (bản sao công chứng). - Giấy yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu (nếu có). - Giấy đăng ký hồ sơ thương nhân với cơ quan cấp CFS lần đầu. Hồ sơ thương nhân gồm: + Giấy đăng ký mẫu chữ ký và con dấu của thương nhân (Phụ lục II); + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của thương nhân (bản sao công chứng); + Giấy chứng nhận đăng ký mã số thuế (bản sao công chứng); + Danh mục các cơ sở sản xuất (nếu có). - Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng đối với sản phẩm xin cấp CFS. Số lượng hồ sơ : 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	5 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. b) Đơn vị trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Chăn nuôi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. c) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận lưu hành tự do.
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Phụ lục I - Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT). - Đăng ký mẫu chữ ký và con dấu của thương nhân (Phụ lục II - Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	Trường hợp thấy việc kiểm tra trên hồ sơ là chưa đủ căn cứ để cấp CFS, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có thể kiểm tra tại nơi sản xuất.

Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Chính phủ quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu;- Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;- Thông tư số 19/2011/TT-BNNPTNT, ngày 06/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15/12/2010. <p style="text-align: right;"><i>VB</i></p>
-------------------------	---

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục I
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CFS

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Tên Tổ chức

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa chỉ:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số điện thoại:.....

Số fax:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

Email:

Kính gửi: [tên Cơ quan cấp CFS]

Để đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu, [Tên tổ chức/thương nhân] đề nghị [Tên cơ quan cấp CFS] cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với các sản phẩm, hàng hoá thuộc phạm vi sản xuất, kinh doanh của [Tên tổ chức] như sau:

TT	Tên sản phẩm	Số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn	Thành phần, hàm lượng hoạt chất (nếu có)	Nước nhập khẩu
1				
2				
3				
4				

Các giấy tờ kèm theo (đề nghị đánh dấu ✓ nếu có):

TT	Tên loại giấy tờ	Có (✓)
1	Hồ sơ thương nhân	
2	Bản sao có chứng thực xác nhận công bố hợp chuẩn, hoặc công bố hợp quy phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.	
3	Yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu/ nhà nhập khẩu (nếu có)	

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của các thông tin đã kê khai và của các tài liệu trong hồ sơ.

CÔNG TY

(Người đại diện theo pháp luật
hoặc người được ủy quyền của tổ chức)

(ký và đóng dấu)

Vinh

Phụ lục II
ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CFS VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10 tháng 02 năm 2010
của Chính phủ)

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (tên của Tổ chức cấp CFS)

Công ty: (tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (địa chỉ của doanh nghiệp)

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của doanh nghiệp có tên, mẫu chữ ký và dấu dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Mẫu dấu

có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký trên đơn đề nghị cấp mẫu CFS.

1. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức danh	Phòng (Công ty)	Số chứng minh thư

được ủy quyền tới liên hệ cấp CFS tại ... (tên của Tổ chức cấp CFS). Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này.

CÔNG TY
 (Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền)
 (Ký tên, đóng dấu)

Yanhs

11. Tên thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy giống cây trồng

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, cá nhân: Nộp hồ sơ công bố hợp quy, nhận giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn.. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: Bộ phận một cửa kiểm tra sự phù hợp, tiếp nhận và trả kết quả khi tới hẹn.
Cách thức thực hiện	<p>Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội số 38 Tô Hiệu - Hà Đông - Hà Nội hoặc qua đường Bưu điện.</p>
Thành phần hồ sơ	<p>1. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận, hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy (Phụ lục 15). - Bản sao có công chứng trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, Giấy chứng nhận chất lượng lô giống phù hợp tiêu chuẩn của 01 lô giống đại diện cho mỗi giống, cấp giống được sản xuất, kinh doanh do tổ chức chứng nhận được chỉ định. - Bản mô tả tóm tắt về từng giống cây trồng được sản xuất, kinh doanh (tên giống, nguồn gốc, đặc điểm chủ yếu, hướng dẫn sử dụng, yêu cầu kỹ thuật). <p>2. Trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản công bố hợp quy (Phụ lục 15). - Bản chính biên bản kiểm định đồng ruộng (đối với hàng sản xuất trong nước) (Phụ lục 5) và Phiếu kết quả kiểm nghiệm mẫu của 01 lô giống, đại diện cho mỗi giống, cấp giống được công nhận hoặc chỉ định cấp. - Bản mô tả tóm tắt về từng giống cây trồng được sản xuất, kinh doanh (nguồn gốc, đặc điểm chủ yếu, hướng dẫn sử dụng, yêu cầu kỹ thuật). - Quy trình sản xuất giống và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng theo Phụ lục 11 Thông tư 83/2009/TT-BNN-PTNT ngày 25/12/2009 hướng dẫn về hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc bản sao chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001 trong trường hợp tổ chức, cá nhân công bố hợp quy có hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO 9001. <p>3. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>a) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với hồ sơ gửi qua đường bưu điện: Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về những điểm, nội dung chưa phù hợp để hoàn thiện hồ sơ; - Đối với hồ sơ được gửi trực tiếp: Bộ phận một cửa kiểm tra, hướng dẫn tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ. <p>b) Trường hợp hồ sơ hợp lệ:</p> <p>Thời gian 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân việc tiếp nhận</p>

	bản công bố hợp quy.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có). c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Trồng trọt Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Bản công bố hợp quy (Phụ lục 15 Thông tư số 79/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/11/2011). - Biên bản kiểm định đồng ruộng (đối với hàng sản xuất trong nước) (Phụ lục 5 - Thông tư số 79/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/11/2011). - Quy trình sản xuất giống và kế hoạch kiểm soát chất lượng được xây dựng và áp dụng (Phụ lục 11 Thông tư 83/2009/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2009).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH 11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Thông tư số 79/2011/TT-BNNPTNT ngày 14/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Chứng nhận và công bố chất lượng giống cây trồng phù hợp quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư 83/2009/TT-BNN-PTNT ngày 25/12/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về hoạt động chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục 15: (Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2011/TT-BNNPTNT
ngày 14/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số:.....

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax.....

E-mail:.....

CÔNG BỐ:

Lô giống (tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật....)

.....
.....

Phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật (số hiệu, ký hiệu, tên gọi)

.....
.....

Thông tin bổ sung (căn cứ công bố hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...)

....., ngày..... tháng năm

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)



Phụ lục 5 (Ban hành kèm theo Thông tư số 79 /2011//TT-BNNPTNT
ngày 14 tháng 11 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

MẪU BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH GIỐNG CÂY TRỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH DÒNG G2

Số:

- Tên người kiểm định: Mã số người kiểm định:
- Địa chỉ: Số điện thoại: Fax: Email:

A. Thông tin chung:

1. Chủ lô ruộng giống:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Loại cây trồng: Tên giống:

3. Địa điểm sản xuất:

4. Mã hiệu lô giống:

5. Số lượng dòng: Tổng diện tích các dòng: m²

6. Nguồn gốc vật liệu ban đầu:

- Tổ chức sản xuất và cung ứng:

- Mã hiệu lô giống:

- Tổ chức chứng nhận chất lượng:

- Mã số biên bản kiểm định:

7. Cây trồng vụ trước:

8. Thời kỳ kiểm định: Lần kiểm định:

B. Kết quả kiểm định:

9. Cách ly:

- Phương pháp cách ly: Không gian Thời gian: Không gian và thời gian:

- Kết quả thực hiện: Đạt Đạt có điều kiện Không đạt

10. Thực hiện quy trình sản xuất: Đạt Không đạt

11. Mã số dòng không đạt do có cây khác dạng:

12. Mã số dòng không đạt do có cỏ dại nguy hại vượt quy định:

13. Mã số dòng không đạt do nhiễm sâu bệnh nặng:

14. Mã số dòng không đạt do đổ ngã nặng hoặc sinh trưởng kém:

15. Khối lượng dự tính của từng dòng đạt yêu cầu: kg/dòng.

C. KẾT LUẬN:

16. Số lượng các dòng đạt yêu cầu:

- Mã số các dòng đạt yêu cầu:

- Tổng khối lượng dự tính các dòng đạt yêu cầu: kg.

Mã số các dòng không đạt yêu cầu:

D. YẾU TỐ KHÁC

Đại diện chủ lô giống
(Ký tên, đóng dấu)

Người kiểm định
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Thủ trưởng đơn vị kiểm định
(Ký tên, đóng dấu)



www.LuatVietnam.vn

Phụ lục 11 (Ban hành kèm theo Thông tư số 83/2009/TT-BNNPTNT
ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

KẾ HOẠCH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Sản phẩm, hàng hoá, quá trình, dịch vụ, môi trường:.....
.....

Các quá trình sản xuất cụ thể	Kế hoạch kiểm soát chất lượng						
	Các chỉ tiêu kiểm soát	Quy định kỹ thuật	Tần suất lấy mẫu/cỡ mẫu	Thiết bị thử nghiệm/kiểm tra	Phương pháp thử/kiểm tra	Biểu ghi chép	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

....., ngày..... tháng năm

Đại diện doanh nghiệp

(ký tên, đóng dấu)

12. Tên thủ tục: Trình phê duyệt Kế hoạch đầu thầu (đối với những dự án không thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ theo quy định, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: + Bộ phận một cửa nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, tờ trình, trình lãnh đạo Sở ký duyệt.
Cách thức thực hiện	<p>Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.</p>
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình phê duyệt kế hoạch đầu thầu của Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (Phụ lục I tại Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ). - Tài liệu kèm theo (<i>Bản chụp đóng dấu giáp lai của Chủ đầu tư</i>) gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Văn bản đồng ý chủ trương đầu tư; Quyết định cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư (đối với các công việc chuẩn bị dự án), Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (đối với dự án hai bước và ba bước) hoặc Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với dự án một bước). + Quyết định phê duyệt kế hoạch đầu tư giai đoạn chuẩn bị đầu tư. + Các Quyết định, hồ sơ có liên quan đến các phần công việc đã thực hiện. + Điều ước quốc tế hoặc văn bản thoả thuận Quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn ODA. + Ý kiến của các tổ chức tài trợ nước ngoài (đối với các dự án sử dụng vốn ODA) + Thiết kế, dự toán, tổng dự toán được duyệt (nếu có). + Nguồn vốn cho dự án: Kế hoạch vốn của Thành phố; các văn bản có liên quan về nguồn vốn thực hiện dự án. - Các văn bản liên quan khác (nếu có). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời hạn giải quyết	<p>30 ngày kể từ khi hồ sơ hợp lệ, Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thẩm định kế hoạch đầu thầu 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời gian phê duyệt kế hoạch đầu thầu 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định kế hoạch đầu thầu.
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>Tổ chức.</p>
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.

	d) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Tờ trình.
Phí, lệ phí	Không
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình phê duyệt Kế hoạch đấu thầu (Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Vnlb

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP
ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ)

[TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN]
[TÊN CƠ QUAN CHỦ ĐẦU TƯ]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Phê duyệt kế hoạch đấu thầu
[Ghi tên dự án hoặc tên gói thầu]

Kính gửi: [Ghi tên người có thẩm quyền]

Căn cứ quyết định đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án [Ghi số quyết định và ngày tháng năm] của [Ghi tên người có thẩm quyền hoặc người quyết định phê duyệt dự án] về việc phê duyệt dự án [Ghi tên dự án được phê duyệt],

Căn cứ [Ghi số, thời gian phê duyệt và nội dung văn bản là căn cứ để lập kế hoạch đấu thầu.

[Ghi tên chủ đầu tư] trình [Ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, phê duyệt kế hoạch đấu thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây.

I. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

Phần này giới thiệu khái quát thông tin về dự án như sau:

- Tên dự án;
- Tổng mức đầu tư hoặc tổng vốn đầu tư;
- Tên chủ đầu tư hoặc chủ dự án;
- Nguồn vốn;
- Thời gian thực hiện dự án;
- Địa điểm, quy mô dự án;
- Các thông tin khác (nếu có).

II. PHẦN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN

Biểu 1. Phần công việc đã thực hiện

STT	Nội dung công việc hoặc tên gói thầu	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện, giá hợp đồng hoặc giá trúng thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Văn bản phê duyệt (nếu có) ⁽¹⁾
1						
2						
...						
Tổng cộng giá trị thực hiện, giá hợp đồng hoặc giá trúng thầu						

Ghi chú: (1) Đối với các gói thầu đã thực hiện trước cần nêu tên văn bản phê duyệt (phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu).

Kết

III. PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG ĐƯỢC MỘT TRONG CÁC HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Phần này bao gồm nội dung và giá trị các công việc không thể tiến hành lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu như: chi phí cho ban quản lý dự án; chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng (nếu có); dự phòng phí và những khoản chi phí khác (nếu có).

Biểu 2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu

TT	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Giá trị thực hiện
1			
2			
...			
Tổng cộng giá trị thực hiện			

IV. PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU

1. Biểu kế hoạch đấu thầu

Kế hoạch đấu thầu bao gồm việc xác định số lượng các gói thầu và nội dung của từng gói thầu. Kế hoạch đấu thầu được lập thành biểu như sau:

Biểu 3. Tổng hợp kế hoạch đấu thầu

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1								
2								
...								
Tổng cộng giá gói thầu								

2. Giải trình nội dung kế hoạch đấu thầu

a) Tên gói thầu và cơ sở phân chia các gói thầu

- Tên gói thầu;
- Cơ sở phân chia các gói thầu.

Việc phân chia dự án thành các gói thầu phải căn cứ vào nội dung dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian và theo các nguyên tắc sau:

+ Đảm bảo tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, không được chia những công việc của dự án thành các gói thầu quá nhỏ, làm mất sự thống nhất, đồng bộ yêu cầu về kỹ thuật và công nghệ;

+ Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án;

+ Đảm bảo quy mô hợp lý (phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của dự án, năng lực của nhà thầu hiện tại và phù hợp với sự phát triển của thị trường trong nước...);

+ Mỗi gói thầu chỉ có một hồ sơ mời thầu hoặc một hồ sơ yêu cầu và được tiến hành tổ chức lựa chọn nhà thầu một lần.

Việc chia dự án thành các gói thầu trái với quy định để thực hiện chỉ định thầu hoặc tạo cơ hội cho số ít nhà thầu tham gia là không phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu.

b) Giá gói thầu;

Kb

- c) Nguồn vốn;
- d) Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu;
- đ) Thời gian lựa chọn nhà thầu;
- e) Hình thức hợp đồng;
- g) Thời gian thực hiện hợp đồng.

V. PHẦN CÔNG VIỆC CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN LẬP KẾ HOẠCH ĐẤU THẦU (NẾU CÓ)

VI. KIẾN NGHỊ

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, [Ghi tên chủ đầu tư] đề nghị người có thẩm quyền xem xét, phê duyệt kế hoạch đấu thầu [Ghi tên gói thầu hoặc tên dự án].

Kính trình [Ghi tên người có thẩm quyền] xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- [Ghi tên cơ quan/tổ chức thẩm định];
-;
- Lưu VT.

[ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ]
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: đối tượng áp dụng Mẫu Tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu là cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trình duyệt kế hoạch đấu thầu đối với các dự án đã được phê duyệt thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu. Trường hợp gói thầu dịch vụ tư vấn được thực hiện trước khi có quyết định phê duyệt dự án thì khi lập tờ trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu có thể tham khảo Mẫu này.

13. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm A

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở phê duyệt.
Cách thức thực hiện	<p>Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.</p>
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư; quyết định phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư; - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có); - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, Phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng (nếu có), Bản cam kết giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Hồ sơ thẩm định nguồn vốn; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện chuẩn bị đầu tư; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư); - Tờ trình của chủ đầu tư xin phê duyệt dự án đầu tư; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn; <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ chính (<i>trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản</i>).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>69 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: Gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan: 03 ngày để gửi hồ sơ đến các cơ quan liên quan lấy ý kiến (bao gồm cả thẩm định nguồn vốn và xin ý kiến tham gia). - Tổng hợp các ý kiến liên quan và thẩm định thiết kế cơ sở: 20 ngày làm việc (thông báo cho cơ quan trình sửa đổi, bổ sung hồ sơ) (nếu có). - Thẩm định dự án đầu tư (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 40 ngày làm việc (bao gồm cả lấy ý kiến,

	tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan và thẩm định thiết kế cơ sở). - Xem xét phê duyệt: 06 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. c) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	- Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình. - Phí thẩm định thiết kế cơ sở: Theo thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình: Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ. - Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng; - Luật Đê điều; - Luật Bảo vệ môi trường; - Luật Đất đai; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị Định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/08/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

	<p>Luật Bảo vệ môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường;- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;- Nghị định 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù;- Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí kiểm định dự án đầu tư xây dựng;- Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--	---

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

.....ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
 2. Chủ đầu tư:
 3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở
 4. Chủ nhiệm lập dự án:
 5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
 6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
 7. Địa điểm xây dựng:
 8. Diện tích sử dụng đất:
 9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
 10. Loại, cấp công trình:
 11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
 12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
 13. Tổng mức đầu tư của dự án:
- Tổng cộng:
- Trong đó:
- Chi phí xây dựng:
 - Chi phí thiết bị:
 - Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
 - Chi phí quản lý dự án:
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
 - Chi phí khác:
 - Chi phí dự phòng:
14. Nguồn vốn đầu tư:
 15. Hình thức quản lý dự án:
 16. Thời gian thực hiện dự án:

KĐ

Phụ lục III
(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

(Tên cá nhân/cơ quan phê duyệt)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...;
Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;
Xét đề nghị của... tại tờ trình số... ngày... và báo cáo kết quả thẩm định của...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình... với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở (nếu khác với tổ chức tư vấn lập dự án)
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:
Tổng mức:
Trong đó:
 - Chi phí xây dựng:
 - Chi phí, thiết bị:
 - Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
 - Chi phí quản lý dự án:
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:



- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:
- 14. Nguồn vốn đầu tư:
- 15. Hình thức quản lý dự án:
- 16. Thời gian thực hiện dự án:
- 17. Các nội dung khác:

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:


Cơ quan phê duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



www.LuatVietnam.vn

14. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) -Nhóm B

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ , nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn : + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư; Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư; - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có); - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng (nếu có), Bản cam kết giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Hồ sơ thẩm định nguồn vốn; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện chuẩn bị đầu tư; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư); - Tờ trình của chủ đầu tư xin phê duyệt dự án đầu tư; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ chính (trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>54 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan: 03 ngày để gửi hồ sơ đến các cơ quan liên quan lấy ý kiến (bao gồm cả thẩm định nguồn vốn và xin ý kiến tham gia); - Tổng hợp các ý kiến liên quan và thẩm định thiết kế cơ sở: 15 ngày làm việc (thông báo cho cơ quan trình sửa đổi, bổ sung hồ sơ) (nếu có); - Thẩm định dự án đầu tư (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 30 ngày làm việc (bao gồm lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan, và thẩm định thiết kế cơ sở); - Xem xét phê duyệt: 06 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức. 

Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	<p>- Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Phí thẩm định thiết kế cơ sở:</p> <p>Theo thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính..</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ);</p> <p>- Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ).</p>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Luật Xây dựng;</p> <p>- Luật Đê điều;</p> <p>- Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Nghị Định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;</p> <p>- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;</p> <p>- Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Nghị định 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về quản</p>

	<p>lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;- Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường;- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí kiểm định dự án đầu tư xây dựng;- Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;- Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. <p style="text-align: right;"><i>Kal</i></p>
--	---

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Tổ chức tư vấn lập dự án:

Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở

4. Chủ nhiệm lập dự án:

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

7. Địa điểm xây dựng:

8. Diện tích sử dụng đất:

9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

10. Loại, cấp công trình:

11. Thiết bị công nghệ (nếu có):

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:

15. Hình thức quản lý dự án:

16. Thời gian thực hiện dự án:



Phụ lục III
(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

(Tên cá nhân/cơ quan phê duyệt)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...;
Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;
Xét đề nghị của... tại tờ trình số... ngày... và báo cáo kết quả thẩm định của...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình... với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở (nếu khác với tổ chức tư vấn lập dự án)
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:
Tổng mức:
Trong đó:
 - Chi phí xây dựng:
 - Chi phí, thiết bị:
 - Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
 - Chi phí quản lý dự án:
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:



- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:
- 14. Nguồn vốn đầu tư:
- 15. Hình thức quản lý dự án:
- 16. Thời gian thực hiện dự án:
- 17. Các nội dung khác:

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:


Cơ quan phê duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



www.LuatVietnam.vn

15. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (được ủy quyền) - Nhóm C

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ra phê duyệt
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư; Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư; - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có); - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, Phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan, bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng (nếu có), Bản cam kết giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Hồ sơ thẩm định nguồn vốn; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện chuẩn bị đầu tư; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư); - Tờ trình của chủ đầu tư xin phê duyệt dự án đầu tư; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ chính (<i>trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản</i>).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>39 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan liên quan: 03 ngày để gửi hồ sơ đến các cơ quan liên quan lấy ý kiến (bao gồm cả thẩm định nguồn vốn và xin ý kiến tham gia); - Tổng hợp các ý kiến liên quan và thẩm định thiết kế cơ sở: 10 ngày làm việc (thông báo cho cơ quan trình sửa đổi, bổ sung hồ sơ) (nếu có); - Thẩm định dự án đầu tư (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 20 ngày làm việc (bao gồm lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan và thẩm định thiết kế cơ sở); - Xem xét phê duyệt: 06 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức. 

Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	<p>- Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Phí thẩm định thiết kế cơ sở: (Theo thông tư 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính)</p>
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	<p>- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ).</p> <p>- Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (theo phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ).</p>
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Luật Xây dựng;</p> <p>- Luật Đất đai;</p> <p>- Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Luật Đất đai;</p> <p>- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Nghị Định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;</p> <p>- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;</p> <p>- Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường;</p> <p>- Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;</p> <p>- Nghị định 71/2005/NĐ-CP ngày 06/6/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù;</p>

	<p>- Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí kiểm định dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>- Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.</p>
--	--

120

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
 2. Chủ đầu tư:
 3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở
 4. Chủ nhiệm lập dự án:
 5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
 6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
 7. Địa điểm xây dựng:
 8. Diện tích sử dụng đất:
 9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
 10. Loại, cấp công trình:
 11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
 12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
 13. Tổng mức đầu tư của dự án:
- Tổng cộng:
- Trong đó:
- Chi phí xây dựng:
 - Chi phí thiết bị:
 - Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
 - Chi phí quản lý dự án:
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
 - Chi phí khác:
 - Chi phí dự phòng:
14. Nguồn vốn đầu tư:
 15. Hình thức quản lý dự án:
 16. Thời gian thực hiện dự án:



Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình

(Tên cá nhân/cơ quan phê duyệt)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của...;

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Xét đề nghị của... tại tờ trình số... ngày... và báo cáo kết quả thẩm định của...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình... với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án:

2. Chủ đầu tư:

3. Tổ chức tư vấn lập dự án:

Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở (nếu khác với tổ chức tư vấn lập dự án)

4. Chủ nhiệm lập dự án:

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

7. Địa điểm xây dựng:

8. Diện tích sử dụng đất:

9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

10. Loại, cấp công trình:

11. Thiết bị công nghệ (nếu có):

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí, thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:
- 14. Nguồn vốn đầu tư:
- 15. Hình thức quản lý dự án:
- 16. Thời gian thực hiện dự án:
- 17. Các nội dung khác:

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:

Cơ quan phê duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Y&Q

www.LuatVietnam.vn

16. Tên thủ tục: Thỏa thuận quy hoạch chuyên ngành

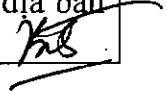
Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản trình lãnh đạo Sở ký thảo thuận.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thảo thuận quy hoạch của chủ đầu tư; - Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; hoặc quyết định đầu tư; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ xin thỏa thuận bao gồm: Thuyết minh chung, thuyết minh kỹ thuật, bản vẽ thiết kế cơ sở, trích lục bản đồ, hồ sơ tài liệu khảo sát các loại, các tài liệu liên quan khác; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. b) Số lượng Hồ sơ : 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có). c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng; - Luật Đê điều; - Luật Bảo vệ rừng; - Luật Đất đai; - Pháp lệnh Phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai; - Pháp lệnh Bảo vệ khai thác công trình thủy lợi; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về

quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Nghị Định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng;

- Nghị định 113//2007NĐ-CP ngày 28/6/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.



www.LuatVietnam.vn

17. Tên thủ tục: Trình phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (đối với những dự án không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, lập tờ trình, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư; Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư; - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có); - Hồ sơ dự án đầu tư: Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định, phương án tổng thể giải phóng mặt bằng (nếu có), Bản cam kết giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Hồ sơ thẩm định nguồn vốn; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện chuẩn bị đầu tư; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư); - Tờ trình của chủ đầu tư xin phê duyệt dự án đầu tư; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ chính (<i>trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản</i>).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 06 ngày làm, việc thông báo cho cơ quan trình sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có); + Xem xét ký trình: 04 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p>

Vab

	d) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Tờ trình
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009 của Chính phủ).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng; - Luật Đất đai; - Luật Bảo vệ môi trường; - Luật Đất đai; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị Định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ; - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; - Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường; - Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; - Nghị định 71/2005/NĐ-CP ngày 06/06/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù; - Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết một số điều Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường;

- | | |
|--|---|
| | <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí kiểm định dự án đầu tư xây dựng;- Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội. |
|--|---|

Vab

www.LuatVietnam.vn

Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH
Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;


Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
 2. Chủ đầu tư:
 3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở
 4. Chủ nhiệm lập dự án:
 5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
 6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
 7. Địa điểm xây dựng:
 8. Diện tích sử dụng đất:
 9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
 10. Loại, cấp công trình:
 11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
 12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
 13. Tổng mức đầu tư của dự án:
- Tổng cộng:
- Trong đó:
- Chi phí xây dựng:
 - Chi phí thiết bị:
 - Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
 - Chi phí quản lý dự án:
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
 - Chi phí khác:
 - Chi phí dự phòng:
14. Nguồn vốn đầu tư:
 15. Hình thức quản lý dự án:
 16. Thời gian thực hiện dự án:



18. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm A)

Trình tự thực hiện	Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: - Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư; Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư; - Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình của chủ chủ đầu tư (Phụ lục II); - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có); - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, Phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các hồ sơ khảo sát và các tài liệu liên quan khác theo quy định; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện chuẩn bị đầu tư; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư); - Văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định dự án của cơ quan đầu mối; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ chính).
Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (Phụ lục II kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính



	phủ).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng; - Luật Đê điều; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. - Nghị Định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Ng

Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:

15. Hình thức quản lý dự án:

16. Thời gian thực hiện dự án:



19. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm B)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thoả văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư; Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư; - Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình của chủ chủ đầu tư (Phụ lục II); - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có); - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, Phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan bản vẽ thiết kế cơ sở, các hồ sơ khảo sát và, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện chuẩn bị đầu tư; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư); - Văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định dự án của cơ quan đầu mối; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày

Vũ

	12/02/2009 của Chính phủ)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	- Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng; - Luật Đất đai; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
2. Chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở
4. Chủ nhiệm lập dự án:
5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
7. Địa điểm xây dựng:
8. Diện tích sử dụng đất:
9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
10. Loại, cấp công trình:
11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
13. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng cộng:

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:
- Chi phí thiết bị:
- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
- Chi phí quản lý dự án:
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
- Chi phí khác:
- Chi phí dự phòng:

14. Nguồn vốn đầu tư:

15. Hình thức quản lý dự án:

16. Thời gian thực hiện dự án:



20. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định dự án (nhóm C)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy giấy hẹn và nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư; Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư; - Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình của chủ chủ đầu tư (Phụ lục II); - Thông báo thẩm tra thiết kế cơ sở (nếu có); - Hồ sơ dự án đầu tư: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, Phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện chuẩn bị đầu tư; lập dự án (hoặc lập thiết kế cơ sở nếu khác với tổ chức lập dự án đầu tư); - Văn bản đề nghị tham gia ý kiến thẩm định dự án của cơ quan đầu mối; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ chính)</p>
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có):</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản.
Phí, lệ phí	Không.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình (Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ)
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng; - Luật Đề điều; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị Định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Phụ lục II
(Ban hành kèm theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP
ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ)

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình

Kính gửi:

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Chủ đầu tư trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án:
 2. Chủ đầu tư:
 3. Tổ chức tư vấn lập dự án:
Tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở
 4. Chủ nhiệm lập dự án:
 5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
 6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
 7. Địa điểm xây dựng:
 8. Diện tích sử dụng đất:
 9. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):
 10. Loại, cấp công trình:
 11. Thiết bị công nghệ (nếu có):
 12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):
 13. Tổng mức đầu tư của dự án:
- Tổng cộng:
- Trong đó:
- Chi phí xây dựng:
 - Chi phí thiết bị:
 - Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:
 - Chi phí quản lý dự án:
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
 - Chi phí khác:
 - Chi phí dự phòng:
14. Nguồn vốn đầu tư:
 15. Hình thức quản lý dự án:
 16. Thời gian thực hiện dự án:



21. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm A)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn : + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền quyết định đầu tư; Quyết định phê duyệt cho phép thực hiện chuẩn bị đầu tư; - Thông báo kết quả thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư; - Hồ sơ thiết kế cơ sở, bao gồm: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện thiết kế cơ sở; - Tờ trình của chủ đầu tư xin thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan đầu mối thẩm định dự án; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.</p>
Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.

Handwritten signature

Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng; - Luật Đê điều; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. - Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/03/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

22. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm B)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn : + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án, trình lãnh đạo Sở ký, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; - Thông báo kết quả thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư; - Hồ sơ thiết kế cơ sở, bao gồm: Thuyết minh dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, Phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan bản vẽ thiết kế cơ sở, các văn bản thoả thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện thiết kế cơ sở; - Tờ trình của chủ đầu tư xin thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan đầu mối thẩm định dự án; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM,USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ chính.</p>
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.

<p>Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng; - Luật Đề điều; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.
--------------------------------	---

www.LuatVietnam.vn

23. Tên thủ tục: Ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở (nhóm C)

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn tại cơ quan đầu mối thẩm định dự án (theo đường công văn) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn : + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Kế hoạch - Đầu tư: Thụ lý hồ sơ, dự thảo văn bản ý kiến tham gia thẩm định dự án , trình lãnh đạo Sở ký, trả kết quả khi đến hẹn.
Cách thức thực hiện	Tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; - Thông báo kết quả thẩm định dự án của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư; - Hồ sơ thiết kế cơ sở, bao gồm: Thuyết dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, các thuyết minh, Phụ lục tính toán chuyên ngành khác có liên quan bản vẽ thiết kế cơ sở, các hồ sơ khảo sát và các văn bản thỏa thuận chuyên ngành, thuyết minh tiên lượng và dự toán, các tài liệu liên quan khác theo quy định; - Hồ sơ năng lực của chủ đầu tư; - Hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn thực hiện thiết kế cơ sở; - Tờ trình của chủ đầu tư xin thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư của chủ đầu tư hoặc văn bản đề nghị thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan đầu mối thẩm định dự án; - Kèm theo hồ sơ là đĩa mềm, CD ROM, USB để có thể chuyển dữ liệu công việc đến cho phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01bộ chính.</p>
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Kế hoạch Đầu tư - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản ý kiến tham gia thẩm định Thiết kế cơ sở.
Phí, lệ phí	Không.

Handwritten signature

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng; - Luật Đề điều; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Nghị định 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý đầu tư và xây dựng; - Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; - Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

24. Tên thủ tục: Thẩm định, trình phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Quản lý xây dựng công trình: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Theo mẫu Phụ lục 2, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng); - Văn bản danh mục đầu tư hoặc chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền; - Kết quả thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (Theo mẫu Phụ lục 1, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng); - Văn bản góp ý hoặc thoả thuận của các cơ quan có liên quan (nếu có); - Hồ sơ khảo sát, kèm hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật; - Hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật gồm: Thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán và các tài liệu có liên quan; - Kèm theo hồ sơ tin học lưu trong đĩa mềm CD Rom hoặc USB để chuyển dữ liệu đến phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (trong đó 01 bộ gốc và 01 bộ chụp, trường hợp cần bổ sung hồ sơ để gửi các cơ quan tham gia ý kiến, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: 03 ngày làm việc (thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có)); + Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 10 ngày làm việc; + Xem xét phê duyệt: 02 ngày làm việc.
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý xây dựng công trình - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>



Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Theo mẫu Phụ lục 2, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng). - Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (Theo mẫu Phụ lục 1, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng).
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng; - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Pháp

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 03/2009/TT-BXD
ngày 26/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

(Tên Chủ đầu tư)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN
CỦA CÔNG TRÌNH
(Đối với công trình lập Báo cáo KTKT)

Kính gửi : ... (Người có thẩm quyền quyết định đầu tư)...

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ (pháp lý khác có liên quan).

Sau khi thẩm định, (Tên chủ đầu tư) báo cáo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình..... như sau:

1. Tóm tắt các nội dung chủ yếu của công trình:

a) Công trình:

- Loại và cấp công trình:

b) Địa điểm xây dựng:

c) Diện tích sử dụng đất:

d) Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công:

d) Nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng:

e) Quy mô xây dựng, công suất, các thông số kỹ thuật chủ yếu:

g) Các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng:

h) Nội dung thiết kế:

2. Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công:

a) Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy mô xây dựng trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

b) Việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

c) Sự hợp lý của giải pháp kết cấu công trình.

d) Đánh giá mức độ an toàn của công trình.

d) Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghệ đối với công trình có yêu cầu công nghệ

e) Sự tuân thủ các quy định về môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an ninh, quốc phòng.

3. Kết quả thẩm định dự toán:

a) Tính đúng đắn của việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí theo quy định của Nhà nước có liên quan đến các chi phí tính trong dự toán

b) Sự phù hợp khối lượng xây dựng tính từ thiết kế với khối lượng xây dựng trong dự toán

c) Kết quả thẩm định dự toán được tổng hợp như sau:

Chi phí xây dựng:

Chi phí thiết bị:

Chi phí quản lý dự án:

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

Chi phí khác:

Chi phí dự phòng:

Tổng cộng:

4. Kết luận:

a) Đánh giá, nhận xét:

b) Những kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)



Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 03/2009/TT-BXD
ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng)

(Tên Chủ đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH
THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH.....

Kính gửi: ... (Người có thẩm quyền quyết định đầu tư) ...

- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Thông tư số.. ngày ... tháng ... năm .. của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Căn cứ (pháp lý khác có liên quan).

(Tên Chủ đầu tư) trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình với các nội dung chính sau:

1. Tên công trình:
2. Tên chủ đầu tư:
3. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình:
4. Mục tiêu đầu tư xây dựng:
5. Địa điểm xây dựng:
6. Diện tích sử dụng đất:
7. Tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư:
9. Hình thức quản lý dự án:
10. Thời gian thực hiện:
11. Những kiến nghị:

(Gửi kèm theo Tờ trình này là toàn bộ hồ sơ Báo cáo KTKT và kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán)

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu:...

Đại diện chủ đầu tư

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)




25. Tên thủ tục: Thẩm định, trình phê duyệt hồ sơ mời thầu

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Quản lý xây dựng công trình: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình xin phê duyệt hồ sơ mời thầu của đại diện chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung tờ trình nêu rõ căn cứ trình duyệt, đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phụ lục hồ sơ mời thầu kèm theo; - Tài liệu kèm theo (bản chụp có đóng dấu giáp lai của đại diện chủ đầu tư) gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản hồ sơ mời thầu của gói thầu; + Quyết định phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với các gói thầu tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình, quyết định phê duyệt nhiệm vụ khảo sát quy hoạch đối với các dự án quy hoạch); Quyết định đầu tư dự án; + Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu; Quyết định phê duyệt đề cương nhiệm vụ, giá gói thầu đối với các gói thầu tư vấn; + Tài liệu thiết kế kèm theo thiết kế kỹ thuật - dự toán được duyệt (đối với gói thầu xây lắp); + Báo cáo của đại diện chủ đầu tư về lựa chọn danh sách nhà thầu để mời tham gia đấu thầu (rộng rãi hoặc hạn chế) đối với gói thầu tư vấn; về kết quả sơ tuyển đối với các gói thầu phải tổ chức sơ tuyển; + Điều ước Quốc tế hoặc văn bản thoả thuận quốc tế (nếu có) đối với các dự án sử dụng vốn ODA; + Ý kiến của các tổ chức tài trợ nước ngoài (đối với các dự án sử dụng vốn ODA); + Các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có). - Phụ lục hồ sơ kèm theo tờ trình: <ul style="list-style-type: none"> + Quyền hồ sơ mời thầu của các gói thầu: mỗi gói thầu 2 quyền; + Các tài liệu trong hồ sơ mời thầu của các gói thầu tư vấn, xây lắp, mua sắm hàng hóa. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian thẩm định: 12 ngày làm việc; + Thời gian phê duyệt: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thẩm định, phê duyệt Hồ sơ mời thầu. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý xây dựng công trình - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội. c) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đấu thầu. - Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng. - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

26. Tên thủ tục: Thẩm định, trình phê duyệt kết quả đấu thầu

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Quản lý xây dựng công trình: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình xin phê duyệt kết quả đấu thầu của đại diện chủ đầu tư trình chủ đầu tư phê duyệt. Nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 71 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ; - Tài liệu kèm theo (theo quy định tại Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ) gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản chụp quyết định đầu tư và các tài liệu để ra quyết định đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập, điều ước hoặc thoả thuận quốc tế (nếu có); kế hoạch đấu thầu; + Hồ sơ mời thầu; + Quyết định thành lập tổ chuyên gia đấu thầu; hợp đồng thuê tư vấn đấu thầu, tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp (nếu có); + Danh sách nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, biên bản đóng thầu, biên bản mở thầu; + Các hồ sơ dự thầu và các tài liệu làm rõ, sửa đổi, bổ sung liên quan; + Báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu của tổ chuyên gia đấu thầu, tư vấn đấu thầu, tổ chức đấu thầu chuyên nghiệp; + Văn bản duyệt các nội dung của quá trình thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định; + Biên bản thương thảo hợp đồng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn; + Ý kiến về kết quả lựa chọn nhà thầu của tổ chức tài trợ nước ngoài (nếu có); + Các tài liệu khác có liên quan. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian thẩm định: 12 ngày làm việc; + Thời gian phê duyệt: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức. 

Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội thẩm định, phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu do Sở trực tiếp quản lý.</p> <p>b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý xây dựng công trình - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>c) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.
Phí, lệ phí	Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu = 0,01% giá trị gói thầu (tối thiểu 1.000.000 đồng, tối đa 30 triệu đồng) theo Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC (Nếu có)	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu thầu. - Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

27. Tên thủ tục: Thẩm định, trình phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức: Nộp hồ sơ, nhận giấy hẹn, lấy kết quả khi đến hẹn tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: + Bộ phận một cửa: Nhận hồ sơ hợp lệ, viết giấy hẹn, trả kết quả theo giấy hẹn. + Phòng Quản lý xây dựng công trình: Thụ lý hồ sơ, lập văn bản báo cáo thẩm định, dự thảo quyết định trình lãnh đạo Sở ký.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội - 38 Tô Hiệu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Thành phần hồ sơ	<p>a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán xây dựng công trình; - Tài liệu kèm theo (bản chụp đóng dấu giáp lai của Ban quản lý dự án) gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định đầu tư, kèm theo hồ sơ dự án đầu tư; + Kết quả thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán; + Văn bản góp ý hoặc thoả thuận của các cơ quan có liên quan (nếu có); + Hồ sơ khảo sát, kèm hồ sơ năng lực của tổ chức và cá nhân đơn vị tư vấn khảo sát, lập Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán; + Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán gồm: Thuyết minh, thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán; + Các văn bản liên quan khác (nếu có). - Kèm theo hồ sơ tin học lưu trong đĩa mềm CD Rom hoặc USB để chuyển dữ liệu đến phòng chuyên môn. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ.</p>
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán (từ khi nhận hồ sơ hợp lệ đến khi có thông báo kết quả thẩm định): 12 ngày làm việc; + Xem xét phê duyệt: 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: 03 ngày làm việc thông báo cho chủ đầu tư sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).
Đối tượng thực hiện TTHC	Tổ chức.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý xây dựng công trình - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có).</p>
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Quyết định hành chính.

Phí, lệ phí	Không.
Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng. - Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quyết định số 09/2012/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội.

www.LuatVietnam.vn

28. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt Quy hoạch khu rừng đặc dụng do địa phương quản lý

Trình tự thực hiện	<p>1. Nộp hồ sơ: Ban quản lý khu rừng đặc dụng nộp hồ sơ Quy hoạch khu rừng đặc dụng đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định hồ sơ, trình duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ; - Trình Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định; - Tổ chức họp thẩm định; - Tổng hợp kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố. <p>3. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xin ý kiến thoả thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Phê duyệt sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. <p>4. Nhận kết quả từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp. - Qua đường bưu điện.
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Giám đốc Ban Quản lý khu rừng đặc dụng đề nghị phê duyệt báo cáo quy hoạch; - Báo cáo quy hoạch khu rừng đặc dụng và các tài liệu liên quan; - Các bản đồ gồm: Bản đồ hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp của khu rừng đặc dụng; Bản đồ quy hoạch bảo tồn và phát triển khu rừng đặc dụng; bản đồ quy hoạch chung xây dựng cơ sở hạ tầng khu rừng đặc dụng; bản đồ quy hoạch phát triển du lịch sinh thái và dịch vụ môi trường rừng đặc dụng; Bản đồ phạm vi, quy mô, ranh giới và quy hoạch đầu tư phát triển vùng đệm. - Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<p>50 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành thẩm định quy hoạch khu rừng đặc dụng không quá hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo lý do cho Ban Quản lý khu rừng đặc dụng; - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành văn bản trả lời không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết để hoàn thiện; - Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thành việc phê duyệt quy hoạch khu rừng đặc dụng và trả kết quả không quá mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.</p>

	<p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Các sở, ngành (có trong Hội đồng thẩm định quy hoạch).</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	Ban Quản lý các khu rừng đặc dụng.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, tờ khai	Không.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt.
Điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư số 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

www.LuatVietnam.vn

29. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt cho Ban Quản lý khu rừng đặc dụng lập, tổ chức thực hiện hoặc liên kết với các đối tác đầu tư để thực hiện các phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng đối với khu rừng thuộc địa phương quản lý

Trình tự thực hiện	<p>1. Nộp hồ sơ: Ban Quản lý khu rừng đặc dụng nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng lên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ; - Trình Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định; - Tổ chức họp thẩm định; - Tổng hợp kết quả thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố. <p>3. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt: Ban hành Quyết định phê duyệt phương án chi trả dịch vụ môi trường rừng theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp. - Qua đường bưu điện.
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Ban Quản lý khu rừng đặc dụng; - Phương án dịch vụ môi trường rừng với các nội dung cụ thể bao gồm hiện trạng rừng, đất đai, các phân khu chức năng và các đặc trưng có liên quan đến dịch vụ môi trường rừng; tiềm năng chi trả dịch vụ môi trường rừng; xác định các loại dịch vụ môi trường rừng của khu rừng đặc dụng; xác định các đối tượng chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; xác định các đối tượng được hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng và phương thức, biện pháp chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng. - Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; + Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thành quyết định phê duyệt phương án không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho cơ quan trình hồ sơ biết để hoàn thiện.
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có). c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. d) Cơ quan phối hợp: Không.
Đối tượng thực hiện TTHC	Ban Quản lý khu rừng đặc dụng.
Lệ phí	Không.

Mẫu đơn, tờ khai	Không.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt phương án dịch vụ môi trường rừng.
Điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chi trả dịch vụ môi trường rừng; - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Thông tư 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có hiệu lực ngày 21/11/2006 hướng dẫn Quy chế quản lý rừng kèm Quyết định 186/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Chính phủ; - Thông tư 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

www.LuatVietnam.vn

30. Tên thủ tục: Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý

Trình tự thực hiện	<p>1. Nộp hồ sơ: Ban Quản lý khu rừng đặc dụng nộp hồ sơ lập dự án đầu tư vùng đệm trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p> <p>2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra hồ sơ; - Trình Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập Hội đồng thẩm định; - Tổ chức họp thẩm định; - Tổng hợp kết quả thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. <p>3. Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xin ý kiến thoả thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Ban hành quyết định phê duyệt sau khi có ý kiến đồng thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bằng văn bản.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp. - Qua đường bưu điện.
Thành phần hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của Ban Quản lý khu rừng đặc dụng (bản chính). - Báo cáo thuyết minh dự án đầu tư vùng đệm, bao gồm các nội dung sau: Tổ chức các biện pháp bảo vệ rừng, bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học; Hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm về canh tác nông, lâm, ngư nghiệp có hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường và phù hợp với tập quán địa phương; Tổ chức hoạt động sử dụng bền vững và chia sẻ lợi ích tài nguyên của khu rừng đặc dụng; Tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức pháp luật bảo vệ rừng, bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học; Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế xã hội, để giảm áp lực lên công tác bảo tồn trong vùng đệm theo chính sách đầu tư và cơ chế tài chính cho hệ thống rừng đặc dụng theo quy định. Xác định nhu cầu vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư; Tổ chức quản lý vùng đệm, trong đó quy định cụ thể nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, lãnh đạo thôn, các hộ dân cư vùng đệm và Ban quản lý khu rừng đặc dụng trong việc thực hiện dự án đầu tư vùng đệm. - Văn bản đồng thuận của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bản chính). - Các tài liệu khác liên quan (nếu có). - Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, trong đó: + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành việc thẩm định hồ sơ không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. + Ủy ban nhân dân Thành phố hoàn thành quyết định phê duyệt đề án không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho cơ quan trình hồ sơ biết để hoàn thiện.
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: Ủy ban nhân dân Thành phố.</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có).</p>

	<p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ngành (trong Hội đồng thẩm định).</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	Ban Quản lý khu rừng đặc dụng.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, tờ khai	Không.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư vùng đệm.
Điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về tổ chức và quản lý hệ thống rừng đặc dụng; - Thông tư 99/2006/TT-BNN ngày 06/11/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Quy chế quản lý rừng kèm Quyết định số 186/QĐ-TTg ngày 14/8/2006 của Chính phủ; - Thông tư 78/2011/TT-BNNPTNT ngày 11/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành Nghị định số 117/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

31. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của CITES

- Trình tự thực hiện	- Đối với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn. - Chi cục Kiểm lâm: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục II, III của CITES; + Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản; nuôi sinh trưởng; trồng cây nhân tạo động, thực vật hoang dã; + Trả kết quả khi đến hẹn
- Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội, phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Giấy đề nghị đăng ký trại nuôi sinh sản/nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo động, thực vật hoang dã; + Bảng mô tả: Cơ sở hạ tầng và bản kỹ thuật gây nuôi, trồng cây động, thực vật hoang dã; + Hồ sơ chứng minh nguồn gốc; + Bản đánh giá nhu cầu và nguồn cung cấp mẫu vật để tăng cường nguồn giống sinh sản nhằm phát triển nguồn gen (đối với động vật); Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới (đối với thực vật); + Danh sách: Loại sản phẩm xuất khẩu (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác). b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính
- Thời hạn giải quyết	Thời gian 10 ngày làm việc.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân, hộ gia đình.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có). c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Bảo tồn tài nguyên sinh vật rừng - Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp: Đơn vị trực thuộc Chi cục.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận.
- Lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	1. Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật phải có các điều kiện sau đây: - Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi

	<p>và năng lực sản xuất của trại nuôi;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký trại nuôi sinh sản những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; - Đăng ký trại nuôi sinh trưởng những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là việc nuôi sinh trưởng không ảnh hưởng tới việc bảo tồn loài đó trong tự nhiên; - Bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước; - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, chăm sóc loài vật nuôi và ngăn ngừa dịch bệnh; - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác con non, trứng từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, ấp nở nhằm mục đích thương mại phải được cơ quan quản lý quy định tại Điều 9 Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ cho phép. <p>2. Cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thực vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài cây trồng và năng lực sản xuất của cơ sở trồng cây nhân tạo; - Cơ sở trồng cây nhân tạo phải được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc trồng cây nhân tạo không ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên; - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật trồng cây nhân tạo, chăm sóc cây trồng và ngăn ngừa dịch bệnh.
<p>- Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ có hiệu lực ngày 04/9/2008 về việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu tái xuất khẩu nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loại động, thực vật hoang dã, nguy cấp quý hiếm; - Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/12/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp; - Quyết định số 903/QĐ-BNN-TCLN ngày 24/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. <p style="text-align: right;"><i>Valb</i></p>

32. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES

- Trình tự thực hiện	- Đối với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn - Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam, không quy định tại các Phụ lục của Công ước CITES; + Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản; nuôi sinh trưởng; trồng cây nhân tạo động, thực vật hoang dã; + Trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội, phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Giấy đề nghị đăng ký trại nuôi sinh sản/nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo động, thực vật hoang dã; + Bản mô tả cơ sở hạ tầng và bản kỹ thuật gây nuôi, trồng cây; + Hồ sơ chứng minh nguồn gốc; + Bản đánh giá nhu cầu và nguồn cung cấp mẫu vật để tăng cường nguồn giống sinh sản nhằm phát triển nguồn gen (đối với động vật); Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới (đối với thực vật); + Danh sách loại sản phẩm xuất khẩu (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác). b) Số lượng hồ sơ: 01 bản chính.
- Thời hạn giải quyết	Thời gian 10 ngày làm việc.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân, hộ gia đình.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có). c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Bảo tồn tài nguyên sinh vật rừng - Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp: Đơn vị trực thuộc Chi cục.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận.
- Lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không.

<p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)</p>	<p>1. Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi và năng lực sản xuất của trại nuôi; - Đăng ký trại nuôi sinh sản những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; - Đăng ký trại nuôi sinh trưởng những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là việc nuôi sinh trưởng không ảnh hưởng tới việc bảo tồn loài đó trong tự nhiên; - Bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước; - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, chăm sóc loài vật nuôi và ngăn ngừa dịch bệnh; - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác con non, trứng từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, ấp nở nhằm mục đích thương mại phải được cơ quan quản lý quy định tại Điều 9 Nghị định số 82/2006/NĐ-CP cho phép. <p>2. Cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thực vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài cây trồng và năng lực sản xuất của cơ sở trồng cây nhân tạo; - Cơ sở trồng cây nhân tạo phải được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc trồng cây nhân tạo không ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên; - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật trồng cây nhân tạo, chăm sóc cây trồng và ngăn ngừa dịch bệnh.
<p>- Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ có hiệu lực ngày 04/9/2008 về việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu tái xuất khẩu nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loại động, thực vật hoang dã, nguy cấp quý hiếm; - Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/12/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp; - Quyết định số 903/QĐ-BNN-TCLN ngày 24/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

[Handwritten signature]

33. Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của CITES

- Trình tự thực hiện	- Đối với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn - Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của CITES; + Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản; nuôi sinh trưởng; trồng cây nhân tạo động, thực vật hoang dã; + Trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Chi cục Kiểm Lâm Hà Nội, phố Ba La, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: Hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động, thực vật hoang dã quy định tại Phụ lục I của CITES theo mẫu tại Phụ lục III-A (thực vật), theo mẫu III-B (động vật) ban hành kèm theo Nghị định 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ. b) Số lượng hồ sơ 01 bản chính.
- Thời hạn giải quyết	Thời gian: 38 ngày làm việc.
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân, hộ gia đình.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban thư ký CITES Quốc tế. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam. c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm Hà Nội. d) Cơ quan phối hợp: Không.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận.
- Lệ phí	Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	Mẫu đơn: Phụ lục I của CITES theo mẫu tại Phụ lục III-A (thực vật), theo mẫu III-B (động vật) ban hành kèm theo Nghị định 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ.
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có)	1. Trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng động vật phải có các điều kiện sau đây: - Chuồng, trại được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài nuôi và năng lực sản xuất của trại nuôi; - Đăng ký trại nuôi sinh sản những loài động vật đã được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong môi trường có kiểm soát; - Đăng ký trại nuôi sinh trưởng những loài động vật đã được cơ

	<p>quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận bằng văn bản là việc nuôi sinh trưởng không ảnh hưởng tới việc bảo tồn loài đó trong tự nhiên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm các điều kiện an toàn cho người và vệ sinh môi trường theo quy định của Nhà nước; - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, chăm sóc loài vật nuôi và ngăn ngừa dịch bệnh; - Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác con non, trứng từ tự nhiên để nuôi sinh trưởng, ấp nở nhằm mục đích thương mại phải được cơ quan quản lý quy định tại Điều 9 Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ cho phép. <p>2. Cơ sở trồng cây nhân tạo các loài thực vật phải có các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở được xây dựng phù hợp với đặc tính của loài cây trồng và năng lực sản xuất của cơ sở trồng cây nhân tạo; - Cơ sở trồng cây nhân tạo phải được cơ quan khoa học CITES Việt Nam xác nhận việc trồng cây nhân tạo không ảnh hưởng đến sự tồn tại của loài đó trong tự nhiên; - Có người đủ chuyên môn đáp ứng yêu cầu quản lý, kỹ thuật trồng cây nhân tạo, chăm sóc cây trồng và ngăn ngừa dịch bệnh.
<p>- Căn cứ pháp lý của TTHC</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ có hiệu lực ngày 04/9/2008 về việc quản lý hoạt động xuất nhập khẩu tái xuất khẩu nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loại động, thực vật hoang dã, nguy cấp quý hiếm; - Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/12/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp; - Quyết định số 903/QĐ-BNN-TCLN ngày 24/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục III-B

(Ban hành kèm theo Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp)

MẪU HỒ SƠ GỬI KÈM CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CÁC TRẠI NUÔI SINH SẢN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC I CỦA CÔNG ƯỚC CITES

1. Tên và địa chỉ của trại:
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện:
Số chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:
3. Loài đăng ký gây nuôi sinh sản (tên khoa học, tên thông thường):
4. Thông tin chi tiết về số lượng và tuổi của con đực, cái trong đàn giống sinh sản:
5. Tài liệu chứng minh các con giống có nguồn gốc hợp pháp theo quy định hiện hành hoặc nếu nhập khẩu thì phải chứng minh được việc nhập khẩu phù hợp với các quy định của Công ước CITES và luật pháp quốc gia:
6. Nếu trại mới sản xuất được thế hệ F1 thì cung cấp tài liệu chứng minh trại được quản lý và hoạt động theo phương pháp mà một trại khác đã áp dụng và được công nhận đã sản xuất được thế hệ F2:
7. Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới:
8. Loại sản phẩm (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác):
9. Mô tả chi tiết phương pháp đánh dấu mẫu vật (dùng thẻ, chip điện tử, cắt tai, cắt vẩy), nhằm xác định nguồn giống sinh sản, các thế hệ kế tiếp và các loại sản phẩm xuất khẩu:
10. Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: diện tích, công nghệ chăn nuôi, cung cấp thức ăn, khả năng thú y, vệ sinh môi trường, cách thức lưu trữ thông tin:
11. Các trại nuôi sinh sản những loài không phân bố ở Việt Nam phải trình bằng chứng nguồn giống là mẫu vật tiền Công ước, có nguồn gốc từ mẫu vật tiền Công ước hoặc được đánh bắt tại quốc gia có loài đó phân bố theo đúng các quy định của Công ước và luật pháp của quốc gia đó:
12. Các trại nuôi sinh sản những loài không phân bố ở Việt Nam phải trình giấy chứng nhận mẫu vật không mang dịch bệnh hoặc không gây hại cho các hoạt động kinh tế của quốc gia:
13. Các thông tin khác theo yêu cầu của Công ước CITES đối với những loài động vật quy định tại Phụ lục I của Công ước CITES:



34. Tên thủ tục: Xác nhận của Hạt Kiểm lâm đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau xử lý tịch thu, lâm sản sau chế biến, lâm sản vận chuyển nội bộ

- Trình tự thực hiện	- Đối với tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn. - Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay; + Xác minh nguồn gốc: Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc lâm sản cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ lâm sản. Thời hạn xác nhận lâm sản tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại các Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn các quận, huyện, thị xã.
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Bảng kê lâm sản; + Hóa đơn bán hàng (nếu có); + Tài liệu về nguồn gốc lâm sản. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản).
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có). c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm quản lý địa bàn. d) Cơ quan phối hợp: Không.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận vào bảng kê lâm sản.
- Lệ phí	Không.
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Bảng kê lâm sản (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). - Sổ theo dõi nhập xuất lâm sản (theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông

	nghiệp và Phát triển nông thôn).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Không
- Căn cứ pháp lý của TTHC	Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản. <i>Vsh</i>

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số 02 (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 4/1/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỔ THEO DÕI NHẬP, XUẤT LÂM SẢN

NHẬP XUỐNG						XUẤT XUỐNG					
Ngày tháng năm	Tên lâm sản (nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ nhập lâm sản kèm theo	Ngày tháng năm	Tên lâm sản (nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ xuất lâm sản kèm theo
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Handwritten signature

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

35. Tên thủ tục: Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây trồng phân tán

- Trình tự thực hiện	- Đối với Tổ chức và cá nhân: Nộp hồ sơ, lấy phiếu hẹn, nhận kết quả khi đến hẹn. - Ủy ban nhân dân cấp xã: + Tiếp nhận hồ sơ, viết phiếu hẹn; + Thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ đảm bảo đúng quy định thì tiến hành xác nhận ngay; Kiểm lâm địa bàn tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã xác nhận trên bảng kê lâm sản (Kiểm lâm địa bàn ký vào bảng kê lâm sản); + Xác minh nguồn gốc: Trường hợp cần phải xác minh về nguồn gốc lâm sản cơ quan tiếp nhận hồ sơ tiến hành xác minh những vấn đề chưa rõ về hồ sơ lâm sản. Thời hạn xác nhận lâm sản tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Trả kết quả khi đến hẹn.
- Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ủy ban nhân dân xã.
- Thành phần Hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: + Bảng kê lâm sản; + Hóa đơn bán hàng (nếu có); + Tài liệu về nguồn gốc lâm sản. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
- Thời hạn giải quyết	- Thời gian 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (trường hợp phải xác minh về nguồn gốc lâm sản).
- Đối tượng thực hiện TTHC	- Tổ chức. - Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.
- Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân xã. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân xã. d) Cơ quan phối hợp: Kiểm lâm địa bàn.
- Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận vào bảng kê lâm sản.
- Lệ phí	- Không
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Bảng kê lâm sản (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn). - Sổ theo dõi nhập xuất lâm sản (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo

	Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không.
- Căn cứ pháp lý của TTHC	<p>- Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp và kiểm tra nguồn gốc lâm sản;</p> <p>- Quyết định số 384/QĐ-BNN-TCLN ngày 01/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>

Vuh

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số 01 (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 4/1/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

.....
.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BKLS

Tờ số:.....

BẢNG KÊ LÂM SẢN

(Kèm theongày...../...../20... của.....)

TT	Tên lâm sản	Nhóm gỗ	Đơn vị tính	Quy cách lâm sản	Số lượng	Khối lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 20.....
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
LẬP BẢNG KÊ LÂM SẢN



Mẫu số 02 (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2012/TT-BNN ngày 4/1/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỔ THEO DÕI NHẬP, XUẤT LÂM SẢN

NHẬP XƯỞNG						XUẤT XƯỞNG					
Ngày tháng năm	Tên lâm sản (nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ nhập lâm sản kèm theo	Ngày tháng năm	Tên lâm sản (nếu là gỗ thì ghi thêm nhóm gỗ)	Đơn vị tính	Số lượng	Khối lượng	Hồ sơ xuất lâm sản kèm theo
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

[Handwritten signature]

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP KHÁC

36. Tên thủ-tục: Nghiên cứu khoa học trong rừng đặc dụng của các tổ chức, cá nhân trong nước (phạm vi giải quyết của Ban Quản lý rừng đặc dụng)

Trình tự thực hiện	- Tổ chức, cá nhân nộp công văn tại Ban Quản lý rừng đặc dụng; - Ban Quản lý rừng đặc dụng xem xét và trả lời bằng văn bản; - Nhận kết quả tại Ban quản lý rừng đặc dụng.
Cách thức thực hiện	- Nộp trực tiếp. - Gửi qua đường bưu điện.
Thành phần hồ sơ	Công văn xin phép nghiên cứu, giảng dạy, thực tập trong rừng đặc dụng.
Thời hạn giải quyết	Chậm nhất là năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn xin phép của tổ chức, cá nhân, Ban Quản lý rừng đặc dụng phải trả lời bằng văn bản, trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý rừng đặc dụng. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý rừng đặc dụng d) Cơ quan phối hợp: Không.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Các tổ chức. - Cá nhân trong nước.
Lệ phí	Không.
Mẫu đơn, tờ khai	Không.
Kết quả thực hiện TTHC	Văn bản chấp thuận.
Điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004 của Quốc hội, có hiệu lực ngày 01/4/2005; - Nghị định số 23/2006/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; - Điều 6 Nghị định 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nông nghiệp.